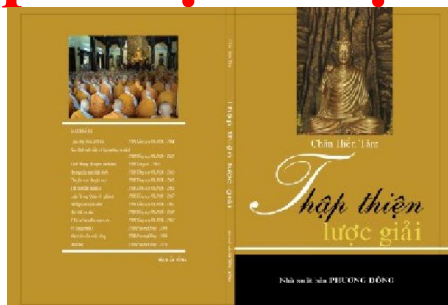


Thập Thiện Lược Giải



Chân Hiền Tâm

---o0o---

Nguồn

<http://hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 14-03-2016

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

Thu Ba - thuba1771@yahoo.com.vn

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Lời nói đầu

I.Nhân duyên nói kinh Thập Thiện

II.Công đức của Thập thiện hạnh

01. Công đức xa lìa sát sinh
02. Công đức xa lìa trộm cắp
03. Công đức xa lìa tà hạnh
04. Công đức xa lìa vọng ngữ
05. Công đức xa lìa hai lưỡi
06. Công đức xa lìa ác khẩu

07. Công đức xa lìa lời thêu dệt

08. Công đức xa lìa tham dục

09. Công đức xa lìa sân nhuế

10. Công đức xa lìa tà kiến

III. Thắng hạnh của Thập thiện hạnh

01. Lục Độ Và Thập Thiện Hạnh

02. Các Hạnh Khác Và Thập Thiện

---o0o---

Lời nói đầu

Những gì xảy ra trong thế giới này đều bị qui luật Nhân quả chi phối. Mọi thứ xuất hiện ở đời đều có nhân duyên. Hạnh phúc ở thế gian hay Niết bàn của người tu đạo không ra ngoài qui luật ấy. Sống trong thế giới này muốn có quả thì phải gieo nhân, không gieo nhân thì không có quả.

Thế giới Ta bà này vẫn được coi là hiện thân của sự khổ đau hơn là hạnh phúc. Khoa học tiến bộ vượt bậc nhưng nạn tai, bệnh tật v.v... vẫn là thứ để con người phải đuổi theo hơn là dừng được. Đó là do chúng ta không nắm được chính xác vòng đi của phần nhân quả thâm sâu đang chi phối đời sống con người, cũng không hiểu được những ràng buộc khiến chúng ta cứ mãi dấn thân, như kiếp tằm làm kén, tự buộc tự trói không có ngày ra khỏi.

Kinh Thập Thiện giúp chúng ta hiểu rõ hơn về điều đó. Ứng dụng theo đó thì thế giới của ta bớt khổ nạn bệnh tật, người tu Phật cũng không rơi vào tình trạng chấp LÝ bỏ SỰ, hiểu thì có mà hành thì không, lời nói không đi đôi với việc làm v.v... khiến LÝ SỰ không được viên dung, SỰ SỰ không thể vô ngại.

Học và hành Thập thiện cùng với Lục độ, Tứ nhiếp, Chỉ quán v.v... như kinh đã nói chính là phương cách giúp phật tử chúng ta có đầy đủ TRÍ và ĐỨC.

Đó là nhân duyên khiến chúng tôi dịch và giải kinh Thập Thiện này.

Kỷ niệm ngày khánh thành TV Trí Đức

Chân Hiền Tâm

I.Nhân duyên nói kinh Thập Thiện

CHÁNH VĂN

Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở tại Long cung Tát Kiệt La, cùng với tám ngàn chúng đại Tỳ kheo và ba vạn hai ngàn Bồ tát ma ha tát đồng tụ hội.

GIẢI THÍCH

Đây là phần chứng tín. Gọi là chứng tín, vì nó khiến cho chúng sinh có lòng tin đối với kinh điển mà Phật đã nói.

Khi Phật sắp nhập Niết bàn, ngài A nan hỏi đức Phật: “Khi Như Lai còn tại thế, tự thân thuyết pháp, người người đều tin nhận. Khi Như Lai nhập diệt rồi, thì đâu tất cả kinh nên để lời gì để người người có thể tin nhận?”.

Phật trả lời: “Đầu các kinh nên để 6 câu: Tôi nghe (1) như vậy (2) một thời (3) Phật (4) ở tại ... (5) cùng với chúng ... (6)”.

Vì sao có 6 câu đó? Trong *Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký*, Tổ Hiền Thủ GIẢI THÍCH:

Lập 6 nghĩa này có 6 lý do.

1/ Đó là điều Phật dạy an lập.

2/ Để đoạn nghi: Khi kiết tập kinh điển A Nan phải lên tòa cao. Thân ông đầy đủ tướng hảo như Phật, nhưng khi xuống tòa thân ông lại như cũ. Đại chúng thấy điềm này sinh ba điều nghi: Thứ nhất, nghi Phật từ Niết bàn trở lại thuyết pháp. Thứ hai, nghi Phật từ phương khác đến. Thứ ba, nghi A Nan chuyển thân thành Phật. Cho nên A Nan nói: “Pháp như vậy tôi nghe từ Phật”, là để xóa ba cái nghi trên và để hiểu “Chỉ do pháp lực mà tôi như thế”.

3/ Để đời vị lai sinh lòng tin: Pháp này tôi nghe từ chính Phật nói, không phải ai khác.

4/ Lìa lỗi thêm bớt: Nghe như vậy, tức nghe đúng những gì Như Lai đã nói không thêm cũng không bớt để chúng sinh tin nhận, y đó tu hành.

5/ Dừng các tranh luận: Nghe Phật nói, thì không khởi tranh luận, chỉ y pháp tu hành.

6/ Để phân biệt đây không phải là kinh điển của ngoại đạo.

Tóm lại, kinh này là do Phật thuyết tại Long cung Ta Kiệt La cho đại chúng trong đó có đại Tỳ kheo và đại Bồ tát, ngài A Nan nghe và nói lại.

Đại Tì kheo, chỉ cho hàng phật tử xuất gia.

Bồ tát, là giác hữu tình, chỉ cho cả phật tử xuất gia lẫn tại gia. Những ai bắt đầu tin vào Phật pháp, rồi y cứ đó tu hành đều gọi là giác hữu tình. Tùy sự giác ngộ ít hay nhiều mà làm tiểu Bồ tát hay đại Bồ tát. Do căn hạnh không đồng này, mà trong kinh *Lăng Nghiêm*, phân Bồ tát thành 52 vị.

Bồ tát ma ha tát là chỉ cho hàng đại Bồ tát.

Kinh này được thuyết tại Long cung, đối tượng nghe kinh là những ai đang có mặt ở Long cung, trong đó có đại Tì kheo và đại Bồ tát. Ngoài việc nêu lên hàng thánh chúng của Phật, việc này còn cho thấy hai hạng vị này, tuy không lấy phước báu làm mục đích chính cho việc tu hành, vẫn phải hành 10 thiện nghiệp, lấy đó làm nền tảng. Nêu ra như thế cũng là nêu ra nhân duyên khiến kinh này xuất hiện.

Chúng ta, nếu muốn có cảnh giới như chư vị, thì dù là phàm phu cũng cần học hiểu và thực hành những điều kinh đã nói. Chưa thực hành được thì cũng cần học hiểu để biết rõ nhân gì cho ra quả gì, hầu tránh bớt những điều đáng tiếc xảy ra trong cuộc sống. Hiểu được chiều đi của nhân quả, chúng ta cũng an bình hơn đối với những nghịch cảnh mà mình phải chịu. Tùy việc thực hành được ít hay nhiều mà cuộc sống của ta hạnh phúc nhiều hay ít.

CHÁNH VĂN

Lúc ấy, Thế Tôn nói với Long vương rằng: Tâm tưởng của tất cả chúng sinh khác nhau nên tạo nghiệp cũng khác nhau, do đây nên có các đường luân chuyển.

GIẢI THÍCH

Đây là nêu nhân nói quả. Nhân ở đây là ‘tâm tưởng của tất cả chúng sinh’. Quả là ‘các đường’. Đó chính là lục đạo: Người, Trời, A tu la, Ngạ quỷ, Súc sinh và Địa ngục.

Long vương, là vua của Long cung.

Tâm tưởng, chỉ cho tất cả những gì hiện khởi trong tâm chúng sinh. Từ ý niệm ác cho đến ý niệm thiện và cả những ý niệm không ác không thiện. Trong *Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký*, Tổ Hiền Thủ nói: «Sao biết y nơi vọng niệm mà sinh? Vì khi các thánh nhân liả bỏ vọng niệm thì cảnh giới này không còn. Không vọng niệm thì cảnh giới này không có, nên biết cảnh giới này có là từ vọng niệm mà sinh. Tướng sai biệt có, là do biến kế vọng tình của ông, xưa nay không thật. Như người bị chóng mặt mà thấy hoa đóm hiện ra nơi hư không». Tất cả đều từ tâm tưởng mà có, chỉ tùy theo những ý niệm khác nhau mà ta có cảnh giới khác nhau.

Hiện nay thấy có kẻ giàu, người nghèo, kẻ mạnh khỏe, người ốm đau v.v... đều là cái quả mà cái nhân là từ chính tâm tưởng của mỗi người.

Từ hoàn cảnh cho đến mọi khổ vui ở đời đều từ chính mình mà ra, không phải do một vị thượng đế nào ban phát, ngay cả Phật cũng không thể làm điều đó cho mình, nên Phật dạy 10 điều thiện để chúng ta thực hành. Có thực hành được những điều đó thì cuộc sống của ta mới tốt đẹp. Song cần nhớ, nhân quả có thứ hiện khởi liền nên mình nhận được lập tức, có thứ ẩn đó chờ đủ duyên mới hiện, nên có khi nhân ở kiếp này mà quả sang kiếp sau hay mười kiếp sau mới nhận được.

CHÁNH VĂN

Này Long vương! Ông có thấy trong hội này và trong đại hải, hình sắc và chủng loại đều khác biệt không? Tất cả các thứ ấy đều do tâm tạo thiện hay bất thiện ở thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp.

GIẢI THÍCH

Đây là ngay nơi quả mà nói nhân.

Chỉ nói **trong hội này** và **trong đại hải** vì đang giảng nói tại Long cung, thật ra là nói đối với mọi loài ở thế gian.

QUẢ, chỉ cho hình sắc và chủng loại khác nhau. **Hình sắc** là những hiện tượng mình thấy được nơi mỗi người, mỗi loài. **Chủng loại**, là loài Người, Súc sinh, Ngạ quỷ v.v... Trong loài Người lại có chủng loại da trắng, da đen v.v... Trong Súc sinh thì có trâu, dê, bò, chó v.v...

NHÂN, chỉ cho thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp của chúng sinh.

Thân nghiệp, chỉ cho những hành động thuộc thân, như trộm cắp, giết người, cứu người v.v...

Ngữ nghiệp, chỉ cho những hoạt động thuộc miệng. Không nói khẩu mà nói ngữ, là muốn nhấn mạnh đến ‘lời nói’ không phải ‘vị ăn uống’. Như lời dịu dàng, lời hủy báng v.v...

Ý nghiệp là chỉ cho quan niệm, suy nghĩ, phân biệt của mình. Nó là nền tảng để thân nghiệp và ngữ nghiệp sinh khởi. Ý nghiệp thiện thì có thân thiện và ngữ thiện. Ý nghiệp bất thiện thì có thân nghiệp và ngữ nghiệp bất thiện.

Tương truyền bà Thanh Đề, mẹ ngài Mục Kiền Liên vốn là một người đàn bà nghèo khổ. Kiếp ngài Mục Kiền Liên làm trụ trì ở một ngôi chùa nhỏ, bà cùng chồng là một cặp ăn xin nghèo khó, bòn được một lon gạo mang tới chùa cúng dường. Vị trụ trì quán thấy có người đến cúng dường nhưng vì bận công việc nên

không thể ở lại chờ mà dặn vị đệ tử ở nhà có ai đến cúng dường thì đón tiếp cho đàng hoàng.

Đệ tử lại là người chuộng nhà giàu khinh người nghèo, nên đã có thái độ không tốt với ông bà. Người đàn bà trong một phút sân hận đã thốt lên một lời nguyện: Sau này, bất cứ khi nào gặp tăng chúng bà cũng sẽ phá hoại. Lời nguyện được phát ra trong lúc sân hận ấy là một loại ý nghiệp dẫn dắt bà có những hành động bất thiện sau này.

Vị trụ trì trở về, nghe kể lại sự việc, biết cái nhân ấy sẽ khiến bà đọa vào đường dữ nên đã phát nguyện đầu thai làm con để cứu mẹ khi bà gặp nạn.

Do cái nhân cúng dường lon gạo, dù không được thành tựu viên mãn, nhưng bà được cái quả là giàu có vào kiếp sau. Trong kiếp đó bà nấu bánh nhân thịt chớ cúng dường chư tăng. Do nghiệp ấy, bà đọa làm Ngạ quỷ chịu khổ nạn dưới Địa ngục. Ngài Mục Kiền Liên theo lời Phật dạy, thỉnh cầu cúng dường chư vị La Hán, mong đại lực của chư vị giúp bà chuyển tâm. Khi bà chuyển tâm, cảnh giới Địa ngục biến mất, bà được sinh cõi Trời.

Nói chung, cảnh giới hiện nay chúng ta đang thọ nhận, là từ chính tâm tướng - thông qua ba thứ thân, khẩu và ý nghiệp - của mình mà ra.

CHÁNH VĂN

Mà tâm thì không có hình sắc, chẳng thể thấy được. Chỉ là do các pháp hư vọng tập khởi, rốt ráo không chủ, không ngã và ngã sở.

GIẢI THÍCH

Tuy có đủ mọi hình tướng như thế nhưng chỉ như huyễn như hóa, không có chất thật. Vì tất cả đều từ tâm sinh. «*Tâm sinh thì tất cả pháp sinh. Tâm diệt thì tất cả pháp diệt*», nên nói **rốt ráo không chủ...**

Tâm không có hình sắc không thể thấy được, là muốn nói đến chân tâm. Chân tâm thì vô tướng. Những tướng như buồn, thương, giận, ghét, tham lam, sân giận v.v... những thứ mình nhận là tâm và suy nghĩ của mình chỉ là những thứ hư vọng. Nói ***hư vọng*** vì nó chỉ là thứ hiện khởi theo duyên, không có gốc. Chỉ do chúng ta huân tập từ đời này sang đời khác mà nó tích lại trong tạng thức. Đủ duyên liền sinh khởi, và ta nhận nó làm tâm mình. Chính vì nhận nó là tâm mình nên ta mới theo nó mà tạo nghiệp rồi có cái quả ở sáu đường Trời, Người, Ngạ quỷ v.v...

Pháp hư vọng tập khởi, là căn - trần - thức hòa hợp mà thành. Như mắt thấy sắc khởi lên niệm yêu thích, rồi nhận cái yêu thích ấy là tâm mình. Từ đó tạo nghiệp ở thân và ngữ. Song hiện nay ta không thấy nó hư vọng vì mình đã tập quen với nó

quá nhiều. Tổ Hiền Thủ nói: «*Tập lâu thành tánh*». Do tập quen với nó lâu quá mà mọi thứ dường như rất thật, không còn thấy chúng hư vọng.

Nếu tin hiểu chúng chỉ là pháp hư vọng, buông bỏ hoặc không nhận nó là mình nữa, thì nó sẽ trở về đúng bản chất của nó là hư vọng. Hư vọng rồi thì thân và ngữ sẽ không vì bản ngã mà tạo ác nghiệp, chỉ một đường huân tạo tịnh nghiệp.

Bỏ bằng cách nào? Không huân tập nó vào tạng thức nữa. Nghĩa là, việc gì bên ngoài khiến ta nổi sân, thì quyết không sân, dùng trí tuệ đả thông sự việc để niệm sân không sinh khởi. Cứ thế mà làm, dần dần ‘tập sân’ sẽ hết. Tham và si cũng vậy. Không để thứ gì thành thói quen, là ta không huân tập chúng vào tạng thức của mình nữa. Đối với ý nghĩ bất thiện hay lời nói bất thiện cũng vậy.

Ngã, hiểu nôm na là cái tôi ở mỗi người. **Ngã sở**, là những gì thuộc về tôi. Như ý nghĩ của tôi, nhà cửa của tôi v.v...

Vì sao hiện nay ai cũng thấy có tôi và những thứ của tôi như thật, mà Phật lại nói **Rốt ráo không chủ, không ngã và ngã sở**? Tuy thấy như thật, nhưng cái tôi ấy là do duyên hợp mà có, do 5 thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà thành. Duyên hợp thì không tánh, niệm niệm dời đổi, nên không chủ tể.

Với cái nhìn của mình hiện nay, mình thấy có mình, người quanh mình, nhà mình, công việc của mình v.v.... nhưng thật ra đó chỉ là những dòng nhân duyên nhân quả nối tiếp nhau. Cái này sinh rồi diệt, cái kia sinh rồi diệt, sinh diệt sinh diệt nối tiếp nhau liên tu bất tận mà thành đời sống một con người.

Thiền sư Phật Nhãn dạy chúng:

Nay ta hỏi ông một việc: Lúc ông mới vào thai mẹ, đem được vật gì đến? Lúc ông đến hoàn toàn không một vật, chỉ có tâm thức, lại không có hình mạo, kịp đến lúc chết, bỏ gánh ngũ uẩn này, cũng không một vật, chỉ có tâm thức. Nay hỏi ông, nhận khí phần tinh huyết của cha mẹ, chấp thọ gọi là thân ta. Thoạt đầu ra khỏi thai, dần dần trưởng thành. Thân này đều thuộc ta. Hãy nói thuộc ông hay không thuộc ông?

Nếu nói thuộc ông, lúc vào thai hoàn toàn không đem một vật. Cái tinh huyết của cha mẹ này thuộc ông vào lúc nào? Lại chỉ hợp dài khoảng trăm năm, rồi lại như cũ, cũng quăng mất xác, đâu từng thuộc ông.

Nếu nói không thuộc ông, thì thấy hiện nay một bước cũng chẳng thiếu được. Lúc chửi biết giận, lúc đau có thể nhịn, sao lại không thuộc ông? Nếu ông được chọn lựa thì hãy định tĩnh mà xem, là có hay là không? Nếu định hình không ra, đó là vì gốc nghi chưa chặt.

Nếu nói có, thì lúc mới sanh lớn dần đến năm ba tuổi rồi đến hai mươi tuổi quyết định không thể dời đổi, nhưng đến bốn năm mười tuổi, thân này niệm niệm suy tàn, niệm niệm vô thường, nếu quyết định gọi là có cũng không được.

Nếu nói không, thì các thứ vận động đều biết làm được, nên cũng chẳng thể nói không.

Rồi ngài kể câu chuyện để răn chúng:

Xưa có một người vì lạc đường phải vào một nhà hoang để ngủ đêm. Khuya có một con quỷ vác một xác chết đến. Lại một con quỷ khác đến dành: «Xác chết của ta». Quỷ kia không chịu, nhưng quỷ sau mạnh hơn nên đoạt lấy.

Quỷ trước nói: «Ở đây có một người khách, sẽ làm chứng».

Hai quỷ mới tới gần người khách, rồi nói: «Ông coi xác này ai đem tới?»

Người khách suy nghĩ: “Hai con quỷ đều ác, ắt có một đứa làm hại ta. Ta nghe người sắp chết mà không nói dối thì sẽ sinh lên Trời”. Ông bèn chỉ con quỷ trước nói: “Là quỷ này mang đến».

Quỷ sau tức giận, chặt đứt tứ chi của khách.

Quỷ trước xin lỗi: “Ông vì tôi làm chứng khiến thân thể giờ không toàn vẹn”.

Rồi mang xác chết bù lại từng món. Đầu tim ruột bị quỷ sau lấy mất, quỷ trước lại dùng xác chết bù lại. Hai quỷ cứ dành ăn và bù lại như thế, cuối cùng chúng bỏ đi. Người khách, trước thấy thân thể cha mẹ sinh của mình đã bị quỷ ăn, lại thấy những phần vừa được đổi lại, bèn suy nghĩ “thân bị đổi lại đó là vật gì? Là ta hay không phải ta? Là có hay là không?». Tâm bèn phát hoảng, chạy đến một tinh xá, thấy một Tì kheo liền thuật hết lại việc vừa xảy ra. Tì kheo nghĩ: «Người này dễ hóa độ đây, đã biết thân này chẳng phải có», bèn lược nói pháp yếu cho. Người khách liền được đạo quả.

Này các ông! Hội được chăng? Thân ông không phải có không phải không. Có, là tâm có thân thì chưa từng có. Không, là tâm không mà thân chưa từng không. Ông hội được chăng?

Cái tâm ‘không có cũng không không’, rốt cuộc không phải là kiến giải đoạn thường vốn có nay không, vốn không nay có của ông.

Chư vị nào thân thể được thay thế bằng các bộ phận của người khác theo kiểu như thế sẽ dễ nhận ra chánh lý mà thiên sư Phật Nhân vừa nói.

CHÁNH VĂN

Tuy đều theo nghiệp mà hiện không đồng, nhưng trong ấy thật không có tác giả, nên tất cả pháp đều khó nghĩ bàn, tự tánh như huyễn.

GIẢI THÍCH

Tự tánh như huyễn, là chỉ cho tướng các pháp như huyễn. *Như huyễn*, kinh Lăng Già nói: «*Tất cả pháp chẳng thật, chóng diệt như làn chớp hiện, ấy là như huyễn*». Một khi đã tạo nhân thì đủ duyên, quả sẽ hiện, tức chẳng phải không. Chẳng phải không, nhưng vì sanh sanh diệt diệt liên tục nên nói ‘như huyễn’, không phải không có mà nói như huyễn. Đây là lý do vì sao các pháp tuy không có chủ thể, không ngã và ngã sở mà chúng ta vẫn phải hành thiện nghiệp.

Không có tác giả, vì mọi thứ đều do nhân duyên hòa hợp, không có chủ thể.

CHÁNH VĂN

Kẻ trí biết rồi, nên tu thiện nghiệp. Do đó các thứ được sinh ra như uẩn, xứ, giới v.v... thấy đều đoạn chính, người thấy không chán.

GIẢI THÍCH

Nói các pháp không chủ, không tác giả, không ngã ngã sở là để hiểu mọi thứ trên đời này không có gì cố định, mà đều có thể thay đổi tùy theo nghiệp thiện ác của bản thân, gọi là chuyên nghiệp.

Kẻ trí, là người có thể trực nhận được những gì Phật đã dạy, hay là người có thể tin hiểu những điều vừa nói, rồi y theo đó mà tu hành.

Uẩn là chỉ cho 5 uẩn, còn gọi là 5 ấm. Đó là Sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Xứ là 12 xứ, bao gồm 6 căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cùng với 6 trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Giới là 6 căn, 6 trần và 6 thức là nhãn thức, nhĩ thức ... cho đến ý thức.

Ba thứ này chỉ chung cho thân căn và hoàn cảnh chung quanh mình như gia đình, xã hội v.v... Tu thiện nghiệp thì các thứ ấy sẽ được tốt. Chưa tốt thì biết đó là do mình chưa tu thiện nghiệp.

Kinh này dạy cho hàng đại Tì kheo và đại Bồ tát, là những vị sẽ vì chúng sinh mà giảng nói pháp yếu của Phật, giúp họ thoát khổ. Muốn giúp họ tin vào giáo pháp của Phật để tu học mà tự chuyển lấy nghiệp khổ của mình thì tự bản thân chư vị cũng phải có những hiện tướng khiến chúng sinh tin tưởng. Như quảng cáo thuốc không rụng tóc, mà tóc người quảng cáo rụng gần hết, thì chẳng ai tin mà làm theo. Việc này cũng vậy. Quảng cáo thuốc rụng tóc thì tóc mình cũng phải không rụng. Nếu rụng mà nhờ thuốc hết rụng thì giá trị quảng cáo càng có giá trị.

Không chỉ có hàng đại Tì kheo và hàng đại Bồ tát mới phải như thế mà ngay cả những phật tử tại gia, muốn dẫn bạn bè, bà con, hàng xóm đi chùa và học hỏi giáo pháp của Phật, ta cũng phải có một đời sống hạnh phúc, thoải mái, thiên hạ gặp nạn tai mà mình không có nạn tai, có nạn tai mình cũng tự tại không buồn phiền v.v... thì người ta mới dám tin mà theo mình. Còn đến với giáo pháp của Phật mà bản thân mình thì đối lên đối xuống, phiền não đầy dẫy, nạn tai liên tục v.v... thì chẳng ai dám theo mình để thực hành giáo pháp của Phật.

Dùng chánh báo và y báo tốt đẹp giúp chúng sinh tin nhận để độ chúng sinh như thế, gọi là THÂN GIÁO. Muốn thế thì phải tu cái nhân là thiện nghiệp. Đời này phải có thân giáo thì mới giáo hóa được chúng sinh của mình. Chỉ nước bọt và sự khôn lanh thì được vài keo rồi cũng thôi, không thì cũng theo đường tà.

CHÁNH VĂN

Này Long vương ! Ông quán Phật thân, được sinh ra từ trăm ngàn ức phước đức. Các tướng trang nghiêm, quang minh sáng chói che cả đại chúng. Giả như có vô lượng ức Tụ tại, Phạm vương cũng chẳng thể hiện. Ai đã chiêm ngưỡng thân Như Lai, đâu không chóa mắt?

GIẢI THÍCH

Thân Phật *được sinh ra từ trăm ngàn ức phước đức* vì thân sắc của mỗi người là do từ tam nghiệp thân, ngữ, ý của chính người đó mà ra.

Mình đem tiền cúng chùa, làm chùa, cho người nghèo là để tìm phước báu cho hiện đời và mai sau. Đó gọi là làm phước. Nếu cúng dường là để Tam bảo được trường tồn, làm chùa là để tăng chúng có chỗ tu học, cho người nghèo vì thấy họ khổ quá, muốn họ vui khổ được vui, thì cái phước ấy gọi là phước đức. Còn miệng nói vì người mà trong tâm thực ra chỉ vì sợ họa mà tìm phước cho mình, thì chưa gọi là phước đức. Nhưng dù sợ họa mà làm, hay tìm phước cho mình mà làm, cũng là điều đáng quý ở cõi Ta bà. Bởi điều đó cũng chứng tỏ ta có tin nhân quả, cũng là người có trí tuệ. Đó là cái nhân để có những điều tốt đẹp hơn nữa về sau.

Tam nghiệp của Phật thanh tịnh nên thân tướng của ngài trang nghiêm, kẻ hữu duyên nhìn vào liền khởi tâm kính trọng. *Quang minh*, chỉ cho ánh sáng chiếu ra từ thân Phật, ta hay gọi là hào quang. Quang minh của ngàn ức các vua Trời hợp lại cũng không bằng quang minh của Phật, vì tam nghiệp của Phật thanh tịnh thù thắng hơn tam nghiệp của các vua Trời. Nói cách khác, phước đức của các vua Trời chưa thể bằng phước đức của Phật.

CHÁNH VĂN

Ông quán các đại Bồ tát đây, diệu sắc nghiêm tịnh, tất cả đều do tu tập thiện nghiệp phước đức mà sinh.

GIẢI THÍCH

Thấp hơn một chút là các vị đại Bồ tát.

Luận *Đại Trí Độ* nói: «*Bồ tát không ngoài hai loại: Tại gia và xuất gia, phương này và phương khác ...*». Như vậy, đại Tỳ kheo cũng thuộc Bồ tát, vì chư vị cũng thọ giới Bồ tát.

Đây là nhấn mạnh lại cái nhân khiến chư vị Bồ tát có thân tướng thanh tịnh trang nghiêm. Đó là do tu tập thiện nghiệp mà ra.

Một lần có một phái đoàn ở nước ngoài về, trong đó có một vị bác sĩ, khi nhìn thấy một Ni lớn tuổi quì xuống lạy Hòa thượng, cô có vẻ không bằng lòng và đã bày tỏ điều đó với tôi: Đó có phải là giới luật đặt ra trong đạo Phật? Sao lại có một thứ giới luật bất bình đẳng như thế?

Tôi không biết Ni ấy lạy Hòa thượng vì lý do gì, vì giới luật hay vì điều gì khác. Nhưng với tôi, đó là điều rất đơn giản: Chỉ vì tôi nhận được nhiều thứ từ Hòa thượng, sống theo những thứ ấy cuộc sống của tôi thay đổi hoàn toàn. Những thứ tôi nhận được đó không chỉ ở mặt thuận mà còn ở mặt nghịch. Có những mặt nghịch, ngay lúc đó khiến mình sinh tâm bất mãn, nhưng cuối cùng mới nhận ra rằng: Cái nghịch ấy là bài học rất quý với mình. Nó khiến mình vững vàng và trưởng thành hơn trong đạo. Cũng chính những cái nghịch đó, có khi lại tạo cho mình những thuận duyên không ngờ. Những gì tôi đã nhận được đó cộng với lực phước đức uy nghi tỏa ra từ thân tướng Hòa thượng, khiến tôi phải cúi đầu sụp lạy. Bởi chỉ có vậy mới có thể cảm thấy yên lòng và tỏ được chút lòng biết ơn đối với công đức của Thầy.

Những gì tôi nói trên sẽ trở thành lỗi bịch với những ai không có duyên với Hòa thượng hay chưa từng có được phước duyên như tôi từng gặp, nhưng với ai đã từng có phước duyên như tôi, không nhất thiết phải với Hòa thượng mà ở với bất kỳ một người nào khác, sẽ hiểu những gì tôi nói đây.

Thân tướng toát ra uy nghi, lại có thể khiến người nhận hiểu giáo pháp để thay đổi cuộc đời của họ v.v... đều là cái quả do tu tập thiện nghiệp và phước đức của chư vị mà ra.

CHÁNH VĂN

Lại nữa, các hàng Thiên Long bát bộ là những kẻ có uy thế lớn lao, cũng nhân nơi thiện nghiệp phước đức mà sinh.

GIẢI THÍCH

Đây là nói các vị ít phước đức hơn chút nữa.

Thiên Long bát bộ, là tám bộ mà Thiên (Trời) và Long (rồng) là hai bộ đứng đầu. Các bộ còn lại là Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la và Ma hầu la già.

Thiên, chỉ cho chư Thiên ở các tầng trời.

Long, là loài rồng. Loài rồng ở trên cao, khi cúng dường phần nhiều là làm bóng rợp che mát để cúng dường. Tương truyền pháp đường Phổ Quang nói trong kinh *Hoa Nghiêm*, là do khi Phật mới thành đạo, các rồng thấy Phật ngồi lộ thiên dưới cây bồ đề, mới vì Phật làm pháp đường đó.

Dạ xoa, còn gọi là quỷ Khinh Tiệp, thuộc chúng Đa văn chủ ở phương bắc. Có loại nào hại người, có loại giữ gìn chánh pháp.

Càn thất bà, còn có tên là Tầm Hương, thuộc chúng Thiên vương ở Đông phương, sống trong Thập Bảo, chơi nhạc cho chư Thiên. Càn thất bà là hàng nhạc công thường tìm người mùi thơm của đồ ăn, rồi tới đó chơi nhạc để hưởng hương đó. Cũng gọi là Thực Hương vì chỉ ăn tế hương.

A tu la, cũng thuộc Thiên thú nhưng do gian dối không làm đúng thực hạnh của chư Thiên, nên còn gọi là Phi Thiên. Có khi gọi là Bất Tử, vì ở trong biển cả làm rượu mà không thành. Cũng gọi là Liệt Thiên vì vốn từ Trời sinh ra. Đa phần đều hay đấu tranh với chư Thiên.

Theo *Tì Vân* thì A tu la thuộc Quỷ thú, vì bị tâm xiêm khúc che đậy. Kinh *Chánh Niệm* thì nói A tu la nhiếp thuộc Nga quỷ và Súc sinh. Kinh *Già Đà* thì nói thuộc cả ba.

Ca lâu la, còn gọi là Ca súc la, đây gọi là Diêm xí điều. Cánh chim có đủ sắc báo trang nghiêm. Cả Diêm phù đề chỉ chứa được một chân của nó. Chim này ăn các rồng vào lúc rồng hết tuổi thọ, nhưng rồng nào quá khứ đã thọ Tam qui ngũ giới hay biết tu theo Phật thì nó không ăn.

Khẩn na la, còn gọi là Ca thần, vì hay xướng hát ngâm vịnh làm vui. Do loạn tâm mà đầu thai vào Súc sinh. Cũng gọi là Nghi thần. Vì hình dạng tương tự như người, gương mặt rất đoan chính, nhưng trên đỉnh lại có một cái sừng, ai thấy cũng sinh nghi không biết đó là Người, Quỷ hay Súc sinh.

Ma hầu la già, còn gọi là thần Phúc Hành hay Đại Phúc, vì có thể hộ pháp và hay trừ nghi.

Những GIẢI THÍCH trên đều lấy từ *Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký* của Tổ Hiền Thủ ra.

Hỏi: Ba đường Địa ngục, Nga quỷ, Súc sinh là ba đường khổ, sao đây lại có những vị thuộc Súc sinh và Nga quỷ mà Phật lại bảo «Cũng nhân nơi thiện nghiệp phước đức mà sinh»?

Đáp: Một trong các lý do khiến những người tu thiện nghiệp có phước đức mà lại đầu thai vào Súc sinh hay Nga quỷ là do đời sống kế tiếp không phải chỉ bị chi phối bằng các thiện và ác nghiệp trong hiện đời, mà còn bị chi phối bởi CẬN TỬ NGHIỆP. Cận tử nghiệp, chỉ cho trạng thái của tâm khi sắp lìa đời.

Như Khẩn na la, tuy hành thiện nghiệp nhưng lại lấy xướng hát ngâm vịnh làm vui. Do cái hát xướng ngâm vịnh làm vui đó mà tâm loạn, nên đầu thai vào Súc sinh. Nhưng do phước báu nhiều, nên dù có thân Súc sinh mà uy đức vẫn có v.v...

Như hiện nay có những vị rất giàu có, tâm hiếu hạnh, bố thí, cúng dường cũng rất lớn, song do không ý thức được loại cận tử nghiệp này, nên không ý thức việc dùng tâm sân trong hiện tại, để cho sân nhuế mắng chửi hiện hành thành thói quen. Nếu chẳng may, khi sắp chết lại gặp đúng cái duyên khiến tâm thức mình sân loạn thì rất dễ đọa vào thân Nga quỷ hay Súc sinh, nhưng là loại Nga quỷ và Súc sinh có phước báu.

CHÁNH VĂN

Nay các chúng sinh có trong biển cả, hình sắc thô xấu, hoặc lớn hoặc nhỏ, đều do các loại tướng niệm ở tự tâm mà làm thành thân, ngữ, ý và các bất thiện nghiệp, rồi theo nghiệp đó mà tự nhận lãnh quả báo.

GIẢI THÍCH

Đây nói về các loài không hành thiện nghiệp, hoặc có hành mà so với bất thiện nghiệp lại quá ít.

Vì đang giảng nơi Long cung nên chỉ nói ở *trong biển cả*. Kỳ thực, các nơi khác cũng như vậy.

Tất cả đều từ thân, ngữ, ý nghiệp bất thiện hay thiện mà có thân tướng, hình sắc cũng như hoàn cảnh sống tốt hay xấu.

CHÁNH VĂN

Ông nay thường nên tu học như thế, cũng khiến chúng sinh hiểu thấu nhân quả, tu tập thiện nghiệp. Ông nên y đây chánh kiến không động, chớ có đọa vào tà kiến đoạn thường. Nơi bậc phước điền, hoan hỷ cung kính cúng dường. Nhờ đó, các ông cũng được Trời Người tôn trọng, cung kính, cúng dường.

GIẢI THÍCH

Sau khi nói về quả báo của thiện nghiệp, Phật khuyên Long vương nên theo đó mà tu học. Đó là tự lợi. Tu học rồi, cũng giúp cho những kẻ hữu duyên với mình thấu được nhân quả, theo đó mà tu tập thiện nghiệp, là lợi tha.

Y đâỵ, là y vào những gì đức Phật vừa dạy và sẽ dạy trong bản kinh này. Cái hiểu ấy phù hợp với qui luật đang chi phối thế giới này, nên nói **chánh kiến**. Y theo đó mà sống thì sẽ được thân tướng và đời sống tốt đẹp, nên nói **chánh kiến**.

Không động, là tin chắc như thế và hành theo như thế không nghi ngờ, không thay đổi.

Tà kiến, là cái thấy bị lệch một bên. Những thứ không phải chân lý mà cho là chân lý, gọi là **tà kiến**. Theo cái hiểu ấy mà sống thì sẽ gặp quả khổ, nên gọi là **tà kiến**.

Nghĩ rằng chết là hết không có đời sau, là một loại **đoạn kiến**. Nghĩ trong thân này có một linh hồn thường còn là một loại **thường kiến** v.v...

Bạc phước điền là chỉ cho những vị mà nếu cung kính bố thí cúng dường cho chư vị, ta sẽ được quả báo tốt đẹp.

CHÁNH VĂN

Long vương phải biết ! Bồ tát có một pháp có thể đoạn tất cả các ác đạo khổ. Thế nào là một? Là ngày đêm thường nhớ nghĩ, tư duy, quán sát thiện pháp, khiến các thiện pháp niệm niệm tăng trưởng, không để một mảy may bất thiện xen lẫn vào. Đó là hay khiến các ác đoạn hẳn, thiện pháp viên mãn, thường được thân cận chư Phật, Bồ tát và thánh chúng khác.

GIẢI THÍCH

Có một pháp giúp chúng ta có thân tướng hình sắc và hoàn cảnh sống tốt đẹp, đó là luôn **quán sát** tâm mình. Quán sát để làm gì? Để thấy ý niệm nào là bất thiện thì bỏ, chỉ để lại những ý niệm thiện. Làm như thế là ta đang giữ gìn ý nghiệp của mình. Đó là nền tảng để thân nghiệp và khẩu nghiệp được thiện.

Ngày đêm thường nhớ nghĩ, vì chúng ta rất hay quên. Chỉ hướng ra ngoài nghĩ tưởng chuyện này chuyện khác mà ít quán sát tâm. Vì thế, phải ngày đêm thường nhớ. Có thực hành được như thế, thì khi có một niệm bất thiện hiện lên, ta mới kịp biết mà buông bỏ.

Bất thiện pháp là gì? Là những ý niệm thuộc tham sân si. Những gì không thuộc của mình mà muốn chiếm hữu gọi là tham. Vì mình và gia đình mình mà hại người, hại vật gọi là tham v.v...

Hòn mát, giận lẫy, bực mình v.v... thuộc sân. Dù việc được cho là ‘đáng bực mình’ mà bực mình, cũng vẫn gọi là sân. Với những niệm như thế, ta phải **tư duy**:

«Đó là cái nhân mang lại cho ta những bất hạnh khi nó đủ duyên. Nếu không dừng được khi nó mới chớm, nó sẽ tích tụ trong tàng thức và trở thành thói quen. Thành thói quen rồi thì nó sẽ dẫn mình chạy, muốn dừng rất là khó. Thành thói quen rồi thì nó sẽ là loại nghiệp lực nổi trội dẫn mình vào cảnh giới tương đương với ba đường khổ là Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sinh».

Súc sinh thì thế gian này thấy rõ rồi. Chỉ một vài loài là thấy còn tương đối, còn đa phần là khổ. Bò, dê, trâu, ngựa v.v... không bị người xẻ thịt thì cấu xé lẫn nhau để có sự sống, chẳng có được những khoảng tự tại.

Nghe nói thịt dê rất hôi, muốn thịt không hôi, người ta phải đánh nó thật nhiều trước khi làm thịt. Thịt dê nấu lâu ra ăn rất ngon, nhưng mình không hề biết con vật ấy đã đau đớn thế nào.

Em tôi, ngày mới qua Canada, vừa đi học, vừa đi làm trong hãng thịt bò, làm nghề vác thịt. Người Việt mà phải vác trọng tải bò như một người ngoại quốc nên rất cực. Sau một thời gian, cậu được thăng chuyên qua khâu giết bò. Cậu chỉ việc đứng một chỗ, nhắm súng vào trán bò mà bắn khi nó được đưa ngang qua chỗ cậu. Công việc quả tình nhẹ nhàng, nhưng cậu đành trở về công việc nặng nhọc. Bởi ánh mắt buồn rầu và những giọt nước chảy ra từ khóe mắt bò, khiến cậu không tài nào ngủ được, cũng không thể làm cái việc là bắn vào đầu nó.

Phải nói hết thấy đều khổ, nhưng cái khổ nhất ở thân Súc sinh là trí tuệ không đủ để tiếp nhận giáo pháp của Phật. Luận *Đại Trí Độ* nói: «*Địa ngục đại khổ, tâm rối loạn không thể thọ pháp. Súc sinh thì ngu si che tâm, không thể nhận được sự giáo hóa*». Nghiệp thức của Súc sinh, đa phần đều vậy.

Địa ngục và *Ngạ quỷ* thì nghiệp thức của con người không thấy được. Nhưng chỉ ở thế gian cũng đủ để hình dung *Địa ngục* và *Ngạ quỷ* là thế nào.

Một nhóc kể với tôi: «Khi con nằm ở bệnh viện phỏng, thân thể thì đau đớn, lại nghe mùi thúi của thịt phỏng, nghe tiếng dao kéo chạm nhau kêu loảng xoảng và tiếng dao bào da v.v... khiến con liên tưởng đến cảnh giới cắt xẻo đau đớn ở *Địa ngục*». Thành dù chúng ta không tin có thế giới *Địa ngục* hay *Ngạ quỷ* thì ở thế gian này cũng đã đủ đầy. Có những thứ nghe hay thấy rồi không khỏi rùng mình và đau đớn. Đều do tam nghiệp của mỗi người mà ra.

Bỏ đi những niệm ác, nuôi dưỡng các niệm thiện, đó là cách giúp niệm ác dứt hẳn. Vì sao có thể dứt hẳn? Vì bản thân niệm ác không gốc, chỉ do huân tập mà có. Buông bỏ chính là không cho nó huân tập tiếp vào tạng thức, nó sẽ dứt. Cho nên, phải tu ngay thân, khẩu và ý nghiệp của mình thì mới chuyển nghiệp và hết nghiệp được.

Thường được thân cận chư Phật, Bồ tát và thánh chúng khác, vì muốn gần nhau được thì phải có ít nhiều thứ gì đó tương đồng, tức phải có thiện niệm ta mới gần

được các bậc thánh. Người xưa nói: «Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu». Phật nói đến hai chữ đồng nghiệp và đồng sự là chỉ cho việc đó. Những người hay bố thí thì thường hợp nhau. Những người chuyên tu tập thì thích gần nhau.

Hỏi: Trong kinh *Niết Bàn* có kể câu chuyện: Thiện Tinh làm thị giả cho Phật, đầu hôm Phật nói pháp cho trời Đế Thích nghe, theo phép thì thị giả phải đi ngủ sau thầy. Vì muốn ngủ sớm, Thiện Tinh nói dối có quỷ Bạt-câu-la đến để hù Phật. Như vậy, ngữ nghiệp của Thiện tinh không thanh tịnh.

Khi Phật vào thành khát thực, vô lượng chúng sinh khao khát được thấy dấu chân Phật, Thiện Tinh đi sau chà hết. Dù không chà mất được nhưng việc đó cũng cho thấy thân nghiệp của Thiện Tinh không thanh tịnh. Phải có ý nghiệp không thanh tịnh thì thân nghiệp và ngữ nghiệp mới không thanh tịnh. Tam nghiệp không thanh tịnh như thế, vì sao lại có thể thân cận đức Phật?

Đáp: Cái quả chúng ta nhận được trong hiện tại bắt nguồn từ cái nhân ở quá khứ. Thân cận được Phật trong kiếp này là cái quả của một thiện nhân đã gieo trong quá khứ. Song trong một con người, khi chưa phải là hàng Bất động địa, thì không phải chỉ có lực thiện niệm mà còn có cả lực ác niệm ngủ ngầm trong tạng thức. Do cái nhân đã gieo trong quá khứ là thiện niệm, nên hiện đời Thiện Tinh được thân cận với đức Phật, nhưng do chưa đủ niềm tin nên ác niệm vẫn sinh khởi. Ác niệm đó là cái nhân của cái quả Thiện Tinh phải gặt trong tương lai khi đủ duyên. Vì thế, tuy thấy Thiện Tinh có thân - ngữ - ý bất thiện mà hiện tại vẫn gần được đức Phật. Đó là vì nhân quả xảy ra trong ba đời và trước sau không đồng thời mà có hiện cảnh như thế.

CHÁNH VĂN

Thiện pháp là, thân của Trời, Người, bồ đề Thanh văn, bồ đề Duyên giác và Vô thượng bồ đề đều y nơi pháp này, lấy đó làm căn bản mà được thành tựu, nên gọi là thiện pháp.

Pháp này chính là mười thiện nghiệp đạo. Thế nào là mười? Là hay lia hẳn sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân hận và tà kiến.

GIẢI THÍCH

Đây nêu ra để biết thiện pháp là gì.

Bồ đề Thanh văn, bồ đề Duyên giác là chỉ cho hai quả vị La Hán và Bích Chi Phật. **Vô thượng bồ đề**, là chỉ cho quả vị Phật.

Lấy đó làm căn bản, là tất cả những hạng trên bước đầu đều phải y vào Thập thiện mà tu hành. Với các quả vị thuộc xuất thế gian như bồ đề của Thanh văn, Duyên

giác và Phật, chỉ dùng pháp này để được các quả vị ấy thì chưa đủ, nhưng không lấy các pháp ấy làm nền tảng thì không thể tiến tu các pháp cao hơn để có các quả vị trên. Luận *Đại Thừa Khởi Tín*, trong phần dạy tu tập CHỈ QUÁN, có nói: «*Chỉ trừ người nghi hoặc, không tin, phỉ báng, bị chướng nghiệp của trọng tội, ngã mạn, giải đãi, những hạng người như thế thì không vào được*». Không vào được là không tu pháp Chỉ Quán được. Chỉ Quán là cái nhân của Định Tuệ. Định Tuệ là nền tảng để thành Phật làm Tổ. Vì thế cần phải tu Thập thiện, nên nói ***lấy đó làm căn bản***.

Pháp này, chỉ cho thiện pháp Phật vừa nói. Thiện pháp này gồm 10 điều, nên kinh này có tựa đề là kinh Thập Thiện. Trong 10 điều đó, 7 điều đầu được qui thành 4 giới mà một phật tử tại gia phải giữ. Giữ gìn các điều này, ngoài việc giúp chúng ta được hạnh phúc trong hiện tại, nó còn là cái duyên giúp chuyển hóa bớt những quả xấu mà mình đã gây tạo trong quá khứ, cũng là cái nhân để chúng ta có thể trở lại làm người trong kiếp sau. Tùy mức độ giữ gìn ít hay nhiều mà ta có cuộc sống hạnh phúc ít hay nhiều.

Ngược với 10 điều thiện là 10 điều ác. Kinh *Hoa Nghiêm* nói: «*Thập nghiệp ác đạo. Thượng phẩm là nhân Địa ngục. Trung phẩm là nhân Súc sinh. Hạ phẩm là nhân Ngạ quỷ*». Phạm vào 10 điều ác đó, nếu nặng thì đọa vào Địa ngục, nhẹ hơn thì đọa vào Súc sinh, nhẹ nữa thì đọa vào Ngạ quỷ, nhẹ nữa thì sinh trong loài Người mà chịu quả báo xấu. Nói nặng nhẹ là y cứ vào việc làm do cố ý hay vô tình, thường hằng hay không thường hằng v.v...

---o0o---

II. Công đức của Thập thiện hạnh

Công đức của 10 thiện hạnh là những gì mà ta có được sau khi tu 10 thiện hạnh.

01. Công đức xa lìa sát sinh

CHÁNH VĂN

Này Long vương! Nếu lìa sát sinh thì được thành tựu 10 pháp không phiền não. Thế nào là mười?

- 1. Bồ thí ‘sự không sợ’ cùng khắp.**
- 2. Thường khởi đại từ tâm.**
- 3. Đoạn hẳn tất cả tập khí sân nhuế.**
- 4. Thân thường không bệnh.**
- 5. Thọ mệnh dài lâu.**

6. Thường được phi nhân bảo hộ.
7. Không có ác mộng, ngủ thức an vui.
8. Diệt trừ oán kết, các oán tự giải.
9. Không sợ đường dữ.
10. Mạng chung sinh Thiên.

Đó là 10 công đức.

Nếu hay hồi hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì khi thành Phật được ‘Phật tùy tâm tự tại thọ mệnh’.

GIẢI THÍCH

Không sát sinh là nhân mà quả là 10 công đức trên. Chúng ta không sát sinh thì chúng ta hưởng được 10 điều đó. Tùy mức độ giữ gìn mà 10 điều nhận được đó có sâu hay cạn, nhiều hay ít.

Nếu chúng ta không được một trong các điều trên, thì có thể chúng ta đã phạm vào giới này.¹ Kiểm nghiệm lại, nếu thấy mình có chủng nhân này thì cố gắng hạn chế.

Kinh *Hoa Nghiêm* nói: “*Tội sát sinh có thể làm cho chúng sinh đọa Địa ngục, Súc sinh và Ngạ quỷ. Nếu sinh trong loài Người thì mắc hai quả báo là mạng ngắn và nhiều bệnh*”. Thấy chết yểu hay bệnh nhiều thì biết là do nghiệp sát mà ra. Thế giới hiện nay, do chiến tranh và giết hại nhiều quá, nên nạn tai, chết yểu và bệnh tật rất nhiều.

Thọ mệnh của chúng sinh bị ràng buộc trong nghiệp lực, còn Phật thì tùy tâm cảm ứng với chúng sinh mà có thọ mệnh ngắn dài, nên nói *Phật tùy tâm tự tại thọ mệnh*, là chỉ cho cái dụng tự tại mà Phật đã có.

---o0o---

02. Công đức xa lìa trộm cắp

CHÁNH VĂN

Này Long vương! Nếu lìa trộm cắp thì được 10 pháp bảo tín. Thế nào là mười?

1. Tài của tích chứa. Vua, giặc, lửa, nước và con hư không thể phá tán.
2. Nhiều người thương yêu.
3. Người không phụ gạt.
4. Mươi phương khen ngợi.
5. Không lo tổn hại.

6. Danh thơm lưu truyền.

7. Ở trong chỗ đông không sợ hại.

8. Tài, mệnh, sắc, lực an lạc, biện tài đầy đủ không thiếu.

9. Thường nhớ nghĩ bố thí.

10. Mạng chung sinh Thiên.

Đó là 10 công đức.

Nếu hay hồi hướng về vô thượng chánh đẳng chánh giác thì khi thành Phật, chứng được trí đại bồ đề thanh tịnh.

GIẢI THÍCH

Hiện tại, của cải tài vật của mình bị mấy nạn như hỏa hoạn, lũ lụt, thiên tai mất mùa, người thân phá tán, nhà nước xâm hoại, người ngoài lừa gạt, chiến tranh giặc giã làm tiêu tán v.v... thì biết mình đã phạm vào giới này, không hiện tại thì ở quá khứ.

Trộm cắp, là chỉ cho việc lấy đi những gì không phải là của mình, không được người khác cho phép mà lấy v.v...

. Đi ngang qua nhà người, thấy cây mận trái nhiều quá, nhìn lui nhìn tới thấy không có ai, hốt mấy trái đem về, là vướng vào giới trộm cắp.

. Làm hàng gian hàng giả là trộm cắp.

. Làm công mà xén bớt của chủ là trộm cắp.

. Làm chủ nhưng tận dụng năng lực của người quá giờ qui định mà không thêm lương là trộm cắp.

. Làm quan mà xén bớt của dân, nhờ quyền lực mà có tài lộc, tham nhũng, ăn chặn của dân v.v... đều thuộc dạng trộm cắp.

. Chơi hụi rồi giựt luôn là trộm cắp.

. Mượn mà không trả là trộm cắp.

. Lừa gạt là trộm cắp.

Nêu ra mấy điều trên để tạm hình dung về hai chữ ‘trộm cắp’. Trộm cắp còn nhiều dạng khác nữa. Hiện tại đây, nếu tạo những cái nhân như thế, thì biết tương lai mình sẽ gặp cái quả là bị lụt lội, lừa gạt, con phá, nhà nước bức ép, trộm cướp hoặc vì giặc giã mà tài của tiêu tán.

Hiện tại nếu gặp những cảnh như thế thì phải biết mình đã làm điều gì đó không đúng pháp. Nếu suy xét trong hiện tại thấy không có, thì biết nhân này có thể đã tạo ở những kiếp trước.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tội trộm cắp cũng làm cho chúng sinh đọa vào ba ác đạo. Nếu sinh trong loài Người thì mắc hai quả báo là nghèo cùng và tài sản chung không được tự do dùng”.

Muốn chấm dứt những cái quả như thế thì phải sám hối và nhất quyết không tham của người, đồng thời mang tiền của ra bố thí trở lại, thì nạn cũ mới tiêu, quả tốt mới tới.

---o0o---

03. Công đức xa lìa tà hạnh

CHÁNH VĂN

Này Long vương! Nếu lìa tà hạnh thì được 4 pháp người trí ngợi khen. Thế nào là bốn?

- 1. Các căn điều thuận.**
- 2. Lìa hẳn rộn ràng.**
- 3. Được đời khen ngợi.**
- 4. Vợ hay chồng không bị xâm phạm.**

Đó là 4 công đức.

Nếu hay hồi hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì khi thành Phật, được tướng ‘Trượng phu ẩn mật tạng’ của chư Phật.

GIẢI THÍCH

Tà hạnh, là chỉ cho giới dâm.

Với phật tử xuất gia thì việc này hoàn toàn bị cấm từ tướng cho đến tâm.

Với phật tử tại gia, nói trong điều kiện Việt Nam hiện nay, thì được quyền có vợ có chồng nhưng chỉ nên một và chỉ một mà thôi. Có một người rồi mà đèo thêm một người khác nữa dù chỉ trong tâm tưởng, là phạm giới.

‘Đồng thời’ đương nhiên là không được, nhưng có thể cứu xét trong trường hợp ‘thứ lớp’. Tức với người trước, đã ‘giải quyết’ thỏa thuận tốt đẹp xong đâu đó rồi mà gặp người sau thì có thể tiến tới. Bởi trong vấn đề tình cảm mà nhiều người ‘đồng thời’ quá thì thường dễ gây đau khổ cho nhau, là cái nhân sinh ra những quả báo không tốt sau này, nên Phật đặt ra giới này.

Với hàng phật tử tại gia, nếu đã phát tâm tu Phật, thì tâm thanh tịnh là cần thiết, nên việc giữ gìn cũng cần như hàng xuất gia. Càng giữ được thanh tịnh chừng nào thì càng tốt chừng đó.

Phạm giới thì ta không có được bốn công đức trên. Nếu không phạm giới thì có được bốn công đức nói trên.

Rộn ràng, ái tình là thứ khiến tâm rất rộn ràng. Đức Phật nói trong kinh *Tứ Thập Nhị Chương*: “Ái dục không gì hơn sắc dục. Ngoài sắc dục không có thứ gì lớn bằng. May là chỉ có một. Nếu có cái thứ hai như nó thì người trong thiên hạ không thể làm đạo gia”. Ái dục khiến tâm loạn động rộn ràng, định lực và trí tuệ không thể có. Nếu có cũng không thể sâu, đường sinh tử không thể dứt, nên dù chỉ là kẻ tu tiên, nếu tu muốn có kết quả còn phải giữ gìn, huống là người tu Phật? Đây là lý do khiến Tì kheo và những người phát tâm tu Phật phải chuyển ái dục thành từ bi.

Với người tại gia, thường chỉ tập trung vào phước báu Trời Người, chưa có tâm dứt bỏ sinh tử, nên Phật cho lập gia đình.

Hỏi: Giới luật là những gì thuộc về tướng, là thứ tùy duyên có thể thay đổi theo căn khí của từng người và đời sống xã hội của từng thời. Thời nay có thể cho tăng chúng lập gia đình?

Đáp: Giới luật, đúng là thứ tùy duyên có thể thay đổi, nhưng thay đổi thế nào thì việc thay đổi đó cũng không thể làm mất đi tinh thần mà Phật đã đặt ra cho việc tu hành. Tùy duyên mà phải bất biến. Bất biến nói đây, chỉ cho tinh thần cốt lõi của việc tu hành: Định, tuệ và giải thoát v.v...

Ái dục là thứ làm nhiều loạn định tâm, dính vào sắc dục ngoài việc không có định tuệ, còn xảy ra những tệ nạn khác như lấy của tín thí làm của chung, tâm ngã, ngã sở thêm lớn v.v... Nó là thứ khiến việc tu đạo và hành đạo của tăng chúng dễ đi ngược với những gì Phật đã dạy, nên giới này không thể thay đổi theo duyên. Vô lượng vô lượng kiếp về sau cũng không thể thay đổi.

Các căn điều thuận, căn là chỉ cho những gì có trên thân tướng của mình như mắt, tai v.v... Những thứ này không chống trái với người đời, gọi là thuận. Như người đời có hai mắt mà mình chỉ có một mắt, thì không gọi ‘thuận’. Đã thuận như người đời mà cũng có tác dụng bình thường như nó vốn có, gọi là ‘điều’. Như người đời có hai mắt, mình cũng có hai mắt nhưng hai mắt mình lại không thấy, hay thấy mờ mờ thì không gọi là ‘điều’. Thân tướng như người đời mà công dụng cũng như thế, gọi là ‘các căn điều thuận’.

Không bị xâm phạm, là vợ hay chồng của mình không bị ai ‘chiếm dụng’. ‘Chiếm dụng’ nói đây có hai nghĩa:

. Bị chiếm dụng do chính vợ hay chồng mình tự nguyện, chỉ cho tình trạng ông ăn chả bà ăn nem.

. Bị chiếm dụng do bức ép. Như việc quan quân ngày xưa bắt ép vợ người mà các tuồng tích hay hát.

Nếu giữ được giới ‘chính chuyên’ này thì sẽ không bị hai sự chiếm dụng đó xảy ra trong hiện tại và tương lai.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tội tà dâm cũng làm cho chúng sinh đọa vào ba ác đạo. Nếu sinh trong loài người thì mắc hai quả báo: Vợ không trinh lương và quyến thuộc không được tùy ý*”.

Trượng phu ẩn mật tạng, là một trong 32 tướng tốt của đức Phật.

---o0o---

04. Công đức xa lìa vọng ngữ

CHÁNH VĂN

Này Long vương! Nếu lìa vọng ngữ thì được 8 pháp chư Thiên khen ngợi. Thế nào là tám?

- 1. Miệng thường thanh tịnh thơm mùi hoa ưu bát.**
- 2. Được người đời tin phục.**
- 3. Phát ngôn thành chứng, Người Trời thương kính.**
- 4. Thường dùng lời êm dịu an ủi chúng sinh.**
- 5. Được ý lạc thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh.**
- 6. Nói không sai lầm, tâm thường hoan hỷ.**
- 7. Phát ngôn tôn trọng, Trời Người phụng hành.**
- 8. Trí tuệ thù thắng không thể chế phục.**

Đó là 8 công đức.

Nếu hay hồi hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì khi thành Phật, liền được ‘Nhu Lai chân thật ngữ’.

GIẢI THÍCH

Vọng ngữ, là những lời nói không thật. Không có nói có, có nói không có, làm chưa được nói được, nói không đúng sự thật v.v... đều thuộc dạng này. Bán hàng chất lượng quảng cáo không đúng, hàng gian hàng giả đều lọt vào giới này. Giới này tăng tục gì cũng dễ phạm. Nhiều khi chuyện không đáng gì cũng nói dối.

Được người đời tin phục, là cái quả dễ trực nhận nhất khi mình không nói dối, gọi là uy tín. Có tín thì có tin. Có uy thì có phục. Như trong cuộc sống hiện nay, mình

mua món gì mà dùng qua, nó đúng như lời đã quảng cáo khoảng 90% là lòng tin của mình liền xuất hiện. Khi cần, dù có mắc hơn mấy món khác ít nhiều, mình cũng chỉ mua hàng với nhãn mác đó. Việc này biểu hiện mình có niềm tin với nhãn mác đó. Uy tín là thứ rất cần thiết trong đời sống xã hội, gia đình v.v...

Phát ngôn thành chứng, là nói gì có đó, lời nói đều được thực tế chứng minh. Như lên thăm Sư ông, Sư ông nói về một chuyện gì đó chưa xảy ra trong đời sống của mình, nhưng rồi nó lại thành hiện thực, đó là một trong các dạng gọi là ‘Phát ngôn thành chứng’. Đây là quả báo mà người không vọng ngữ có được. Nghĩa là, nhân là ‘Có sao nói vậy’ thì quả là ‘Nói gì có vậy’.

Trí tuệ thù thắng không thể chế phục, là một trong các công đức có được nếu không nói dối. Vì sao ‘không nói dối’ đưa đến công đức ấy?

Tì kheo Cù Ba Ly một lần lên bảm với Phật là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên làm việc rất ác. Thế Tôn bảo không có chuyện đó. Cù Ba Ly không chịu, sau bị quả báo mù tịt nổi khắp người, lúc đầu nhỏ sau to dần, máu mủ vỡ ra nhem nhuốc rồi chết và đọa vào Địa ngục.

Mục Kiền Liên xin Phật xuống đó để hóa độ cho Cù Ba Ly, Phật bảo chẳng cần, nhưng ngài vẫn cứ đi. Cù Ba Ly vừa nghe danh đã lên tiếng: “Nay ta đã đọa xuống cõi ác này, vẫn không thoát được thầy hay sao?”

Nói dối, có thứ là do cố tâm nói dối, do sợ mà nói dối, nhưng cũng có khi chỉ vì vọng tưởng mà nói dối. Tức việc nói dối không do cố tâm mà do mình có cái nhìn không đúng với sự việc, mình để cho những tư kiến của mình chồng lên cái thấy ấy, nên sự việc qua mình mới thành lệch lạc, rồi mình thành kẻ nói dối, chứ không hẳn mình muốn nói dối. Rõ ràng, Cù Ba Ly vẫn đĩnh ninh Mục Kiền Liên làm việc xấu nên mới nói ra câu ấy. Cho nên, muốn nói đúng sự thật, có khi cũng phải nhờ đến trí tuệ thù thắng mới nhìn được sự việc đúng đắn mà nói lại lời đúng đắn.

Ngay cả việc nói dối bình thường thôi, cũng cần có trí tuệ mới không nói dối. Trí tuệ đó là gì? Là tin nhân quả và làm theo những gì mình đã hiểu.

Như vậy, trí tuệ là cái nhân mà cũng là cái quả của việc không vọng ngữ, nên trong phần quả báo có nói đến công đức **trí tuệ thù thắng không thể chế phục**. ‘Không thể chế phục’, là người đời không thể chế phục được trí tuệ ấy.

Nếu thấy xảy ra những hiện tượng ngược lại với trên, thì có thể mình đã phạm vào giới nói dối.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tội vọng ngữ cũng làm cho chúng sinh đọa vào ba ác đạo. Nếu sinh trong loài người thì mắc hai quả báo: “Bị phỉ báng và khi dối”. Nói không đúng sự thật thì bị mắng và bị khinh thường là lẽ tất nhiên trong cuộc sống.

05. Công đức xa lia hai lưỡi

CHÁNH VĂN

Này Long vương! Nếu lia hai lưỡi thì được 5 pháp không thể hoại. Thế nào là năm?

- 1. Được thân bất hoại, không thể hại.**
- 2. Được quyền thuộc bất hoại, không thể phá hại.**
- 3. Được lòng tin bất hoại thuận với bản nghiệp.**
- 4. Được pháp hành bất hoại, chỗ tu kiên cố.**
- 5. Được thiện tri thức bất hoại, không dối.**

Đó là 5 công đức.

Nếu hay hồi hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì khi thành Phật, được quyền thuộc chân chánh, các ma ngoại đạo chẳng thể phá hoại.

GIẢI THÍCH

Hai lưỡi, là nói lời chia rẽ. Tới người này nói người kia, tới người kia nói người này để thực thi ý định chia rẽ.

Được thân bất hoại, không thể hại, câu này có hai phần. Phần ‘không thể hại’ **GIẢI THÍCH** cho hai chữ ‘bất hoại’ nói trước. Nghĩa là, thân bất hoại nói đây không phải là được cái thân không bao giờ hoại mà là không ai xâm hại được mình. Bốn câu sau cũng theo đó mà hiểu về hai chữ ‘bất hoại’.

Không dùng miệng lưỡi hại ai, tức không gây cái nhân bất thiện, thì không ai có thể hại mình.

Tôi có quen một người, vị này có tài ăn nói rất hay, rất ngọt, ai nghe cũng tin nhận. Có điều vị này lại dùng cái ngọt, cái hay, cái người hay tin nhận ấy vào việc chia rẽ gia đình người khác. Không phải do cố tâm mà do chông đỡ cho những lỗi lầm mà mình đã gây ra cho gia đình người ta. Và rồi, không ai làm gì hết, gia đình của vị này tự xào xáo, ly tán, vợ chồng vị ấy đã không thuận mà gia đình con cái của vị ấy cũng không thuận. Nhiều biên cố xảy ra thấy đau lòng. Cái nhân chia cắt gia đình người khác thì gia đình mình sẽ tự có cái quả xa lia, không thuận hòa, chẳng đợi ai phải nói vô nói ra. Đó là một bài kinh sống khiến tôi suy ngẫm rất nhiều khi chưa đủ duyên đọc được kinh Thập Thiện. Giờ đọc được những gì Phật dạy đây,

càng thắm hơn nữa. Thắm để mà tránh. Bởi sống trong đời, mấy cái tật này dễ vướng vô cùng.

Kinh *Hoa Nghiêm* nói: «*Tội lưỡng thiệt khiến chúng sinh đọa vào ba ác đạo. Nếu sinh trong loài người thì mắc hai quả báo: Quyển thuộc trái lia và thân tộc tệ ác*». Thấy những hiện tượng này xảy ra với mình, thì phải nghĩ đến cái nhân là ‘dùng lời nói chia rẽ người’. Phải sám hối và chừa bỏ cái nhân ấy, thì cái quả mới chuyển và không xảy ra nữa.

---o0o---

06. Công đức xa lia ác khẩu

CHÁNH VĂN

Này Long vương! Nếu lia ác khẩu thì được thành tựu 8 pháp tịnh nghiệp. Thế nào là tám?

- 1. Lời nói không trái độ.**
- 2. Lời nói đều lợi ích.**
- 3. Lời nói đều khế lý.**
- 4. Ngôn từ mỹ diệu.**
- 5. Lời nói có thể y thuận.**
- 6. Lời nói được tín dụng.**
- 7. Lời nói không thể chê.**
- 8. Lời nói được ưa thích.**

Đó là 8 công đức.

Nếu hay hồi hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì khi thành Phật, được đầy đủ tướng ‘Phạm âm thanh của Như Lai’.

GIẢI THÍCH

Lời ác, là lời mang tính nguyên rủa.

“Nói như thế là đọa Địa ngục”, nếu mình nói câu ấy với lời nói nhẹ nhàng để khuyên răn một lời nói không phải, thì nó không mang tính nguyên rủa. Nhưng nếu nó được phun ra với một tâm thức đang tức giận thì nó liền trở thành một loại ác khẩu. Vì thế, ác khẩu thường xuất hiện với tâm sân giận oán thù. Để không bị phạm vào lỗi này thì việc đầu tiên là điều phục tâm sân giận.

Cố tâm nói dối để hại người khác hoặc dùng lời nói chia rẽ người khác cũng mang tính ác khẩu. Vì muốn cho hả giận mà nói cho thiên hạ đau lòng v.v... cũng gọi là ác khẩu. Nếu chúng ta giữ gìn lời nói của mình không rơi vào những trường hợp trên thì mình sẽ được 8 thứ quả báo nêu trên.

Độ, là phép đã chế ra, như Lục độ.v.v...

Lời nói không trái độ, là lời nói mang chiều hướng khế lý. **Khế lý**, là không trái với lý đạo, là lý thật đang chi phối thế giới này, như lý Tánh Không, lý Nhân Duyên, Nhân Quả. Ngoài ra, những lời nói nào mang tính luân thường đạo lý như nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, cần, kiệm, liêm, chính dạy người đạo đức làm người, cũng gọi là lời nói không trái độ.

Lời nói đều lợi ích, là lời nói không chỉ khế lý mà còn khế cơ. **Khế cơ**, là phù hợp với tâm trạng và căn cơ của từng người, đủ để người tin nhận.

Đi tôi khi sắp chết, thần sắc thấy cũng tươi tỉnh. Tôi đứng gần kê bảo di niệm Phật để đi cho nhẹ nhàng, liền thấy sắc diện bà bực bội. Khuyên người niệm Phật khi ra đi là việc làm rất ‘khế lý’. Nhưng người ta không theo mà còn bực bội, vì mình không biết ‘khế cơ’. Bà tham gia cách mạng từ lúc nhỏ, không tin vào mấy việc niệm Phật v.v... mà bảo bà niệm Phật thì khế cơ làm sao được. Lời nói ‘khế lý’ trở thành vô ích, có khi còn hại cả người, chỉ vì thiếu tính ‘khế cơ’. Cho nên, có những loại lời nói xem ra là thiện, nhưng dùng không đúng lúc, đúng nơi, đúng người thì cũng chưa hẳn mang lợi ích cho người.

Nếu thực hành được giới không ác khẩu này, chúng ta sẽ được cái quả là lời nói của mình khi nào cũng tương hợp, khiến người vui vẻ thuận theo, nghĩa là vừa ‘khế lý’ lại vừa ‘khế cơ’.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tội ác khẩu làm cho chúng sinh đọa vào ba ác đạo. Nếu sinh trong loài Người thì mắc hai quả báo: Thường nghe tiếng ác và lời nói nhiều tranh cãi*”. Bị thiên hạ rửa hay phải sống trong một môi trường tranh tụng náo loạn v.v... là cái quả của ác khẩu. Nặng thì đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ hay Súc sinh.

---o0o---

07. Công đức xa lìa lời thù dật

CHÁNH VĂN

Này Long vương! Nếu lìa lời thù dật thì được 3 thứ quyết định. Thế nào là ba?

- 1. Được người trí yêu thương.**
- 2. Có thể dùng trí như thật mà đáp hỏi.**

3. Có uy đức tối thắng đối với Trời Người.

Đó là 3 công đức.

Nếu hay hồi hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì khi thành Phật, được Như Lai thọ ký không luống dối.

GIẢI THÍCH

Nói thêm dặt là nói thêm vào. Việc này ai cũng dễ vướng. Có việc do cố tâm làm, nhưng có việc do cái nhìn của mình không đúng mà chuyện một thành hai. Bởi ai cũng chất cả bề đĩnh kiến trong đầu, nên nhiều khi nhìn sự việc không còn chính xác. Cố tâm thêm dặt thì quả báo nặng. Không cố tâm, chỉ do thiếu trí tuệ thì quả báo nhẹ hơn.

Người mà khi nào lời nói cũng đi đôi với sự thật, sẽ được sự kính trọng của mọi người.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tội ý ngữ cũng làm cho chúng sinh đọa vào ba ác đạo. Nếu sinh trong loài Người thì mắc hai quả báo: Lời nói không người lãnh thọ và lời không rõ ràng”.

---o0o---

08. Công đức xa lìa tham dục

CHÁNH VĂN

Này Long vương! Nếu lìa tham dục thì được thành tựu 5 loại tự tại. Thế nào là năm?

1. Ba nghiệp tự tại, các căn đầy đủ.
2. Tài vật tự tại, tất cả oán giặc không thể làm tổn hại.
3. Phước đức tự tại, tùy lòng ưa muốn, vật dụng đều đầy đủ.
4. Vương vị tự tại, đồ vật quý lạ, đều được dâng hiến.
5. Những vật có được, thù thắng hơn trăm ức lần chỗ mong cầu, vì thời xưa không bỏn xẻn ganh ghét.

Đó là 5 công đức.

Nếu hay hồi hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì khi thành Phật, được ba cõi tôn trọng, đều cung kính cúng dường.

GIẢI THÍCH

Tham dục, là ham muốn. Ham muốn lợi dưỡng, tiếng tăm, tài vật, sắc đẹp v.v... Với những gì mình ưa thích liền sinh tâm mong muốn đoạt lấy, từ đó đưa đến các khổ. Luận *Câu Xá* phân tích rất rộng về hai chữ tham dục này.

Tham có ở cả ba cõi. Tham ở cõi Dục gọi là Dục tham. Dục tham có hai loại:

1. Năm thứ thuộc 5 căn như mắt ưa nhìn sắc đẹp, thân thích sự xúc chạm v.v...
2. Ham muốn tài lợi, sắc đẹp, danh vị, ăn uống và ngủ nghỉ.

Tham ở cõi Sắc và Vô sắc gọi là Hữu tham. Tính của Hữu tham tuy bị nhiễm ô che lấp thánh đạo, nhưng vì tác dụng nó nhẹ nên không đủ lực chiêu cảm quả báo.

Tham dục hiện khởi ở rất nhiều mặt. Nơi một người bình thường thì loại tham dục này chia đều ở các mặt như ăn uống, ngủ nghỉ, ái dục, quyền lực v.v... Tùy tập khí huân tập ở đời trước mà mặt này nổi trội hơn mặt kia. Có người thích ăn nhiều, ưa thích đồ ngon vật lạ, suốt ngày chỉ nghĩ đến chuyện ăn, ăn sao cho ngon. Có người thì ái dục mạnh, thấy sắc là động lòng, tiền tài kiếm được đều tập trung phục vụ cho mặt này. Đó đều là những dạng biểu hiện cho tham dục.

Với những vị đã xuất gia, mặt ăn ngủ và ái dục đã bị thúc liễm, thì nó sẽ biểu hiện ra ở những mặt khác, vi tế hơn. Nếu không thúc liễm ăn ngủ và ái dục thì nó cũng sẽ hiện khởi như người ngoài đời.

Tham dục, tính của nó là khiến tâm vọng động lao lư nên người tu thiền định cần phải thúc liễm nó rất nhiều. Thời khóa ở chùa, làm nhiều, ăn ít, ngủ ít v.v... là để trừ bỏ thói tham dục này.

Xưa, Phật chế ra giới ăn đúng Ngọ cũng là để trừ bỏ tham dục. Do điều kiện và căn cơ của người thời nay đã khác, nên giới đúng Ngọ cũng không còn. Thay vào đó, chúng ta được học: “Ăn chỉ biết ăn, không phân biệt ngon dở. Niệm ngon dở nếu xuất hiện thì buông. Dù là món ngon vật lạ cũng không có tâm tìm kiếm. Với những gì mình ưa thích không để tâm chạy theo v.v...”, đều là những pháp giúp ta từ bỏ dần mặt tham dục này.

Quả báo của việc lìa tham dục rất lớn. Phước đức có được tương đương với phước đức cõi Trời.

Hiện đời, ai được những quả báo trên thì biết quá khứ đã từng tu cái nhân lìa tham dục. Trong khi hưởng những quả báo đó, nếu không biết tiết chế tiếp mà để tham dục hiện khởi trở lại, thì khi cái quả của ‘cái nhân lìa tham dục’ đã hết, ta lại chịu quả báo của những nhân vừa gây tạo trong quá trình hưởng thụ. Như vậy, muốn nó không hết thì trong cái duyên tự tại và đầy đủ ấy, ta vẫn phải tiếp tục hạn chế các tham dục.

Hỏi: Tu là để có quả mà hưởng. Nhận được quả rồi, lại tiếp tục phải tạo nhân gìn giữ tham dục, vậy thì tu cái nhân ấy để làm gì?

Đáp : Với Bồ tát đạo, tu nhân ấy là con đường cần thiết để ta phát triển định lực và trí tuệ. Dù đích nhắm là định lực và trí tuệ, nhưng ta vẫn có đầy đủ các công đức trên, vì đó là cái quả tất nhiên phải có khi ta tu cái nhân ‘liã tham dục’. Song vì đích nhắm của ta là trí tuệ và định lực nên việc hưởng thụ không xảy ra. Dù trong hoàn cảnh phước báu tốt cùng, ta vẫn tình nguyện liã tham dục. Điển hình là hoàng tử Tất Đạt Đa đã bỏ cung thành ra đi, Tổ Trúc Lâm bỏ vương vị, hành hạnh đầu đà v.v...

Còn nếu gây nhân ấy với mục đích hưởng thụ thì ta phải chấp các việc sau:

1/ Phước đức cõi Trời Người là vô thường, khó mà được sự đầy đủ tự tại mãi mãi.

2/ Được cái phước tốt cùng rồi, có khi đi thẳng vào Địa ngục như người xưa từng nhắc nhở. Bởi trong quá trình hưởng thụ, tâm tham dục phát sinh, trí tuệ lu mờ, trong điều kiện đầy đủ quyền hành và tiền bạc, ta rất dễ gây tạo ác nghiệp. Một khi ác nghiệp đủ duyên thì cảnh giới Địa ngục hiện tiền. Dù cảnh giới Địa ngục chưa hiện tiền, nhưng do quá trình hưởng thụ quá sung sướng, nên khi gặp cảnh giới đối với người khác là bình thường, thì với mình lại trở thành địa ngục, như người xưa thường nói: “Nhà giàu đứt tay, ăn mày đổ ruột”.

3/ Phước báu dù đầy đủ tuyệt đỉnh, cũng phải biết hạn chế những ham muốn của mình ở một mức nào đó, không nên vun vít quá tay, mới mong không đọa vào đường dữ ở những kiếp sau. Phước báu càng lớn, càng phải đọc học kinh sách cho nhiều, nhất là những kinh Phật dạy về nhân quả, để tránh gây tạo tội ác.

Do việc hưởng thụ phước hữu vi bị ràng buộc trong qui luật đối đãi của thế gian như thế mà một thiền sư đã nói: *“Khi ta thấy rõ vạn pháp trong thế giới này đều hạn cuộc và tương đối thì ta sẽ hài lòng trong mái nhà tranh đơn sơ nhất”*. ‘Thấy rõ vạn pháp’ nghĩa là thấy được bản chất khô, không, vô thường, vô ngã của các tướng sinh diệt ấy. Tuy các tướng ấy là không, vô thường, vô ngã nhưng nếu ta có tâm chấp đắm, thì chúng sẽ có lực trói buộc ta, và nếu không cưỡng được lòng tham dục của mình đối với chúng, ta sẽ tạo vô vàn ác nghiệp, và thế là ... khổ.

Nói về quả báo của tham dục, kinh *Hoa Nghiêm* nói: *“Tội tham dục làm cho chúng sinh bị đọa vào ba ác đạo. Nếu sinh trong loài Người thì mắc hai quả báo: Lòng không biết đủ và tham muốn không nhàm”*. Tham dục nguy hiểm như thế. Nếu chúng ta thỏa mãn nó, cũng có nghĩa là chúng ta đang huân tập tiếp tham dục vào tàng thức. Thứ gì huân tập nhiều, thứ đó tăng trưởng nhiều, lực của nó càng mạnh mẽ, muốn bỏ càng khó, muốn dứt càng khổ. Phải nhớ đến tính huân tập của tâm mà liã dần tham dục.

09. Công đức xa lìa sân nhuế

CHÁNH VĂN

Này Long vương! Nếu lìa sân nhuế thì được 8 thứ tâm pháp hỷ duyệt. Thế nào là tám?

- 1. Không có tâm tổn não.**
- 2. Không có tâm sân nhuế.**
- 3. Không có tâm tranh tụng.**
- 4. Tâm nhu hòa chất trực.**
- 5. Được tâm từ của bậc thánh.**
- 6. Thường có tâm lợi ích, an chúng sinh.**
- 7. Thân tướng đoan nghiêm, chúng đều tôn kính.**
- 8. Vì hòa nhẫn nên chóng sinh vào cõi Phạm thiên.**

Đó là 8 công đức.

Nếu hay hồi hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì khi thành Phật, được tâm vô ngại của Phật, người nhìn không chán.

GIẢI THÍCH

Sân nhuế, là tướng sân trong ba tướng tham, sân si. Hờn, giận, bực v.v... đều là bà con của sân.

Sân là cái nhân tạo ra ác nghiệp rất lớn. Giết người, đánh lộn v.v... phần lớn đều do sân hận mà ra. Với người tu thiền định, sân cũng có tác hại không nhỏ. Nó giống như những đợt sóng trào làm tâm chao đảo, nóng bức, mất sự thanh lương tự tại. Sư Suy Hải tu thiền nhập định, nhưng do chấp ngã, không làm chủ được sân hận, thổ huyết mà chết, đọa ngay vào thân Súc sinh.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tội sân hận làm cho chúng sinh đọa vào ba ác đạo. Nếu sinh trong loài Người thì mắc hai quả báo: Thường bị người khác tìm chỗ hay dỡ và luôn bị người khác nã hại*”.

Để đối trị hay giải tỏa tâm sân, Phật dạy chúng ta quán từ bi, là nuôi lớn lòng thương và có sự thông cảm với người, ta sẽ không sân.

Quán Nhân quả Nhân duyên cũng là pháp để trị bệnh sân. Thấy mọi sự ở thế gian, dù thuận hay nghịch đều do cái nhân mình đã tạo ra trong quá khứ, hoặc thấy mọi sự xảy ra hiện nay đều do nhân duyên đã qua, rồi hạ hỏa với những nghịch cảnh mà mình đang gặp phải, là ta đang quán Nhân duyên Nhân quả để dừng đi nghiệp sân.

Quán các pháp như huyễn không thật cũng là pháp để giải tỏa sự sân hận. Bởi mọi thứ đã như huyễn, trong đó thân tâm ta cũng như huyễn thì có gì để sân hận nữa.

Tùy nhân duyên của từng người, phù hợp với pháp quán nào thì dùng pháp ấy để dùng sân nhuế.

Sân nhuế biểu hiện cho cái ta bị đụng chạm khi gặp nghịch duyên. Chấp ngã là nguyên nhân của mọi trở ngại. Trí tuệ không phát huy được cũng vì chấp ngã. Vì thế, đây nói là được sân nhuế, ta sẽ được tâm vô ngại của Phật. Nghĩa là muốn được tâm vô ngại của Phật, phải trừ bỏ sân nhuế.

---o0o---

10. Công đức xa lìa tà kiến

CHÁNH VĂN

Này Long vương! Nếu lìa tà kiến thì được thành tựu 10 pháp công đức. Thế nào là mười?

- 1. Được ý lạc chân thiện, bạn bè chân thiện.**
- 2. Tin sâu nhân quả, thà bỏ thân mạng trọn chẳng làm ác.**
- 3. Chỉ qui y Phật, không qui y các Thiên, Thần v.v... khác.**
- 4. Trục tâm chánh kiến, lìa hẳn lưới mờ đối với tất cả các việc kiết hung.**
- 5. Thường sinh vào cõi Người Trời, không rơi vào ác đạo.**
- 6. Vô lượng phước huệ chuyển chuyển tăng trưởng.**
- 7. Xa hẳn đường tà, thường hành thánh đạo.**
- 8. Không khởi thân kiến, bỏ các ác nghiệp.**
- 9. Trụ vô ngại kiến.**
- 10. Chẳng rơi vào các nạn.**

Đó là 10 công đức.

Nếu hay hồi hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì khi thành Phật, chóng được tất cả Phật pháp, thành tựu thần thông tự tại.

GIẢI THÍCH

Tà kiến, thuộc về ý nghiệp. Đây là phần quan trọng nhất trong Thập thiện. Bởi Ý nghiệp dẫn khởi hai nghiệp còn lại. Muốn hành được Thập thiện cũng phải có chánh kiến mới hành được. Chánh kiến đó là gì? Là tin vào Nhân quả, thực lý chi phối thế gian này. Cho nên, trong Bát chánh đạo, chánh kiến đứng đầu, và một

trong ba đại nguyện của phu nhân Thắc Man là “*Nguyện đời đời sinh ra đều được chánh pháp tri*”. Có chánh pháp trí, mới không bị tà kiến chi phối.

Ý lạc chân thiện, có chánh kiến thì không có tư tưởng xấu ác, không nói lời xấu ác, không làm việc xấu ác, nên nói ***thiện***. Sống thiện và hành thiện là dụng của tâm chân thật, nên nói ***chân***. Sống thiện sống chân thì tâm được an lạc, nên nói ***lạc***. Chân, thiện và lạc ấy đều do có chánh kiến. Chánh kiến thuộc ý nghiệp, nên nói ***ý lạc chân thiện***.

Tin sâu nhân quả là biết rõ nhân nào sinh ra quả nào, rồi theo đó mà sống không sai lệch. Như biết bố thí sẽ sinh ra cái quả giàu sang phú quý, lấy của người sẽ sinh ra cái quả nghèo hèn, thiên tai, con phá v.v... nên nhất quyết không tham lam, không lấy của người, chỉ bố thí để cầu phước báo giàu sang là ta đang tin sâu nhân quả.

Nghe như vậy, có khi mình sẽ khởi tâm: ‘Thời này lương thiện quá làm sao giàu có được, không giàu có lấy gì mà bố thí’. Câu nói như thế chắc được nhiều người ủng hộ, nhưng nó cũng biểu hiện cho cái gọi là không tin vào nhân quả. Đó là một loại tà kiến. Cũng chính vì những tư tưởng như thế mà thế giới ngày càng hỗn mang, kẻ giàu có cũng nhiều mà kẻ nghèo khổ không ít. Chẳng qua chỉ là nhân quả trả vay mà thôi. Đời sống vật chất rất cao nhưng bệnh hoạn nạn tai rất nhiều v.v...

Phải có phước báu đời quá khứ, ta mới có được những thuận lợi tốt đẹp trong kiếp này. Trong những thuận lợi đó, nếu tin vào nhân quả ta sẽ hạn chế bớt những cái nhân bất thiện. Đây nói hạn chế bớt mà không nói dứt khoát phải từ bỏ, vì muốn ***thà bỏ thân mạng cũng chẳng làm ác***, phải là người tin sâu nhân quả. Còn đa phần, một khi lợi lộc đã hiện thì lý nhân quả khi đó dễ ẩn. Rất nhiều lý do để biện minh cho việc kiếm lợi bất chính của mình mà không thấy rằng lòng tham đã che mờ lý trí.

Xưa ở thành Phất ca la, có người tên Thiện Na, làm họa sĩ nơi xa 12 năm, được 30 lạng vàng đem về nước cũ. Trên đường về gặp tăng chúng, liền sinh lòng tin thanh tịnh, liền hỏi thầy Duy na:

- Trong chúng đây cần bao nhiêu vật thì đủ một ngày ăn?

- 30 lạng thì đủ một ngày ăn.

Nghe rồi liền lấy 30 lạng giao cho thầy Duy na xin cúng dường một ngày cơm và trở về nhà với hai tay không.

Về tới nhà, vợ nghe thấy tức quá, trối mang lên quan trị tội. Quan hỏi, người vợ thuật lại sự tình rồi nói: “Chồng con si quân, vợ con không nuôi mà đem cho hết người khác”. Quan liền hỏi anh:

- Sao không mang tiền về cho vợ con mà lại mang cho tăng chúng như thế?

- Dạ thưa, đời trước tôi không làm công đức nên đời này nghèo khó, phải rời quê nhà chịu đủ mọi đắng cay. Nay gặp ruộng phước, nếu không gieo thì đời sau lại khổ, không biết ngày nào ra khỏi. Tôi nay mang tất cả số vàng ra cúng một lần, vì muốn dứt ngay sự nghèo cùng trong kiếp này.

Đại quan là một vị phật tử, nghe vậy động lòng cảm phục, nghĩ thầm: “Thật là việc hiếm có. Bao năm khó nhọc mới được một ít vàng, vậy mà dám cúng hết. Đúng là người rất thiện!”. Nghĩ xong, liền lấy chuỗi ngọc đang mang nơi cổ tặng anh, lại phân cho anh một thôn, cùng với các vật dụng như xe ngựa v.v... rồi nói:

- Người phát niềm tin thanh tịnh, vật phẩm cúng dường của người cũng thanh tịnh, lại cúng dường được cho chúng tăng thanh tịnh, nên quả lớn phát sinh theo ý nguyện.

Đó là câu chuyện Bồ tát Long Thọ kể lại trong luận *Đại Trí Độ*, phần Bồ thí ba la mật. Cúng dường cầu phước thì chưa phải là Bồ thí ba la mật, nhưng cúng như anh chàng ấy thì thời nay không mấy ai làm được, cũng không mấy ai chấp nhận được. Bởi nếu có tâm, tin vào nhân quả thì cũng có thể chỉ cúng một phần, một phần mang về cho vợ con, đặng này lại dốc hết túi ra mà cúng. Nhưng bởi ý nguyện của anh là muốn dứt ngay sự nghèo khó nên anh trút hết cúng một lần.

Đưa câu chuyện đó ra, không phải để chúng ta phải y đó mà bỏ thí. Bồ thí là việc tùy duyên, tức mọi thứ còn lệ thuộc vào mục đích cúng dường, hoàn cảnh và tâm thức của từng người, nên không có một tiêu chuẩn nhất định nào trong việc này. Đưa câu chuyện ấy ra là để thấy hình ảnh của một người tin sâu nhân quả. Các việc khác thì chưa biết thế nào, nhưng với việc này, phải nói anh tin sâu nhân quả. Ý nguyện được đáp ứng tức khắc như thế khiến niềm tin vào nhân quả lại lần nữa khắc sâu vào tâm thức của anh, khiến niềm tin vào nhân quả ngày càng kiên cố. Như vậy, để biểu hiện cho việc tin sâu nhân quả là niềm tin phải đi đôi với việc làm. Niềm tin đi đôi với việc làm thì niềm tin ấy ngày càng xa kiên cố.

Qui y Phật có hai nghĩa:

1. *Qui y Phật Thích Ca v.v...:* Quay về và nương tựa chư Phật. Đức Phật không dạy ta nương tựa ngài theo kiểu ban phước giáng họa, vì ngài không có khả năng đó. Ngài chỉ có khả năng chứng nghiệm chân lý và truyền bá lại con đường đi đến chân lý ấy. Ngài dạy chúng ta sống thiện để có quả báo tốt đẹp. Vì thế quy y Phật cũng có nghĩa là học pháp của Phật, hành hạnh của Phật để chứng nghiệm những gì Phật đã nói.

2. *Qui y Phật của chính mình:* Quay về và y tựa bản tâm chân thật của chính mình. Học pháp của Phật, hành hạnh của Phật rồi chứng nghiệm những gì Phật đã chứng nghiệm thì cái quả rất ráo mà mình nhận được là sống lại được với tâm chân thật của chính mình. Đó là Phật tâm. Kinh Pháp Hoa gọi là Tri kiến Phật. Vì sao gọi là

Tri kiến Phật? Vì sống lại được với tâm đó thì ta có cái thấy biết của Phật, cũng có vô lượng công đức như Phật.

Lìa tà kiến mà có được công đức ‘Không qui y Thiên, Thần, Quỷ, Vật’, thì biết qui y các Thiên, Thần, Quỷ, Vật là ta không có chánh kiến. Vì sao? Vì có chánh kiến rồi sẽ nhận ra rằng: Chỉ có cái thấy của đức Phật, chỉ những gì Phật đã chứng nghiệm mới có thể giúp ta hiện đời giảm khổ được vui, tương lai lại được cái lạc rốt ráo.

Nói vậy, không có nghĩa là phủ nhận đạo lý của những đạo giáo khác. Nếu đồng cái thấy về thực tướng ở thế gian, đồng mục đích lợi ích cho chúng sinh, thì chỗ dạy của chư vị sẽ tương đồng. Chỉ là sâu hay cạn, là phục vụ cho hạnh phúc thế gian hay xuất thế gian mà thôi. Đây nói qui y Phật, vì chỉ có giáo lý của Phật mới hướng chúng ta đến chỗ giải thoát rốt cùng. Cũng chỉ có phần giáo lý thâm sâu của đức Phật mới giúp ta có cái thấy biết như thật, từng phần hay toàn triệt, đối với những gì đã xảy ra, hiện xảy ra và sẽ xảy ra ở thế gian này.

Qui y các Thiên, Thần ... khác, là giao phó tính mệnh của mình cho các vị đó, cầu mong sự ban phát phước lành từ các vị đó. Làm như thế là không tin hiểu nhân quả, là không thấy được qui luật nhân quả đang chi phối thế giới này. Qui luật ấy nói rằng: Mọi thứ ta có hiện nay đều là cái quả do thân, khẩu và ý nghiệp của mình đã tạo ra trong quá khứ. Mình có suy nghĩ, lời nói và hành vi thiện thì khi đủ duyên, mình sẽ có cái quả hạnh phúc, may mắn, tốt đẹp. Suy nghĩ, lời nói và hành vi bất thiện thì khi đủ duyên, mình sẽ có cái quả là nạn tai, bất hạnh và đau khổ. Vì thế, cúng kiến cho Thiên, Thần, Quỷ, Vật với tâm niệm như cúng dường bố thí cho mọi loài chúng sinh khác thì không lỗi. Làm việc đó như một cách xả ngã, tiêu trừ lòng tham, mở lòng từ với mọi loài, cũng là gieo duyên để cùng tiến về đạo vô thượng trong tương lai thì tốt, nhưng cúng kiến với tâm niệm cầu xin là ta đang phạm vào lỗi tà kiến nói đây.

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, phẩm Bồ tát Thập trụ, có một pháp mà Bồ tát phải hành trên con đường Phật đạo là: «*Đối với chúng sinh, phải phát tâm Như Lai*». Tổ Hiền Thủ **GIẢI THÍCH**: «*Là đối với chúng sinh kém đức hơn mình, kính đồng như Phật*». Điều đó cho thấy ‘không qui y’ không có nghĩa là coi thường, không có tâm cung kính đối với ma quỷ hay thần thánh. Với tất cả mọi loài cần phải có tâm cung kính. Tâm này giúp chúng ta phá trừ sự kiêu mạn, là nhân của ba đường dữ.

Với các việc kiết hung: Kiết là tốt, hung là xấu. Đây muốn nói đến việc bói toán, xin xăm v.v... là dùng các hiện tượng bên ngoài mong sửa trị những thứ bất như ý của mình. Phật nói nếu lìa tà kiến rồi thì không bị các việc ấy làm rối tâm.

Việc coi bói, coi tướng, soi căn, soi nghiệp này ăn rất sâu trong tiềm thức của con người. Đến nỗi đối với việc vào chùa tu hành mà vẫn hỏi thầy một câu: «Thầy coi con có căn tu không thầy?». Vì sao nó lại ăn sâu trong tiềm thức mình như thế?

Vì các hiện tượng ấy đáp ứng được phần nào những mong cầu nghi ngại của mình mà bản thân mình chưa thể tự giải quyết được trong thế giới rộng lớn đầy huyền bí này. Ngoài việc đó ra, đáp án của nó có khi lại rất tương hợp với những gì xảy ra trong hiện tại và tương lai. Vì thế mình dễ tin tưởng và bám víu vào những thứ đó. Nếu hiểu rằng các hiện tượng đó chỉ là cái quả của những nhân thiện và ác mà ta đã gieo trong quá khứ, giờ đủ duyên liền hiện hình, thì mọi việc không có gì để nói. Bởi hiểu được như thế thì mình sẽ tu nhân tích đức, dùng đó để thay đổi đi các quả xấu. Nhưng thường, mình lại quên cái nhân đó mà cứ bám chặt vào những hình thức kiết hung để hành sự, nên sự việc thành mê tín dị đoan.

Không rơi vào ác đạo, vì có chánh kiến thì ba nghiệp đều thiện. Nhân thiện thì quả sẽ thiện. Nếu thấy vào ác đạo, là do hạnh nguyện mà đi.

Trụ vô ngại kiến, là trụ vào cái thấy vô ngại. Vì ‘vô ngại’ nên tuy nói trụ mà thật là không trụ.

Chẳng rơi vào các nạn, vì có chánh kiến, sống với chánh kiến thì không gieo các nhân ác, nên không gặp các quả xấu. ‘Chẳng rơi vào các nạn’ nói đây có hai nghĩa:

- Không gặp các nạn tai.
- Gặp các nạn tai mà vẫn bình thản như không.

Với quả báo của tà kiến, kinh *Hoa Nghiêm* nói: «*Tội tà kiến làm cho chúng sinh đọa vào ba ác đạo. Nếu sinh trong loài người thì mắc hai quả báo: Sinh trong nhà tà kiến và tâm đua vạy*». Hiện tại, mình tà kiến mà ở trong gia đình cũng tà kiến thì đó là chuyện hiển nhiên. Đồng nghiệp đã hiển rõ. Nhưng có khi mình thấy mình tin Tam bảo, làm việc phước thiện nhưng gia đình mình lại chỉ tin vào chuyện cúng sao giải hạn, bài bác việc ăn chay, không tin nhân quả v.v... thì cần coi lại cái chủng tà kiến nó đang ngủ ngầm trong mình, hay đã hiển lộ ở mặt nào đó mà mình chưa thấy.

Chủng tà kiến này có hai dạng:

1. Theo nghiệp lực mà đi.
2. Theo nguyện lực mà đi.

Cũng có thể là vừa nguyện lực vừa nghiệp lực.

Nếu theo dạng nghiệp lực mà đi thì rơi vào trường hợp kinh đang nói đây.

Nếu theo dạng nguyện lực thì chủng tà kiến là những gì đã có trong quá khứ, nhưng nay đã được thuần chuyển. Nó không còn lực để dẫn ta đầu thai vào cảnh giới đó. Muốn vào cảnh giới đó, tuy phải nương chủng ấy mà đi, nhưng lực dẫn đi lại là lực của đại nguyện. Nương nguyện lực đó để thực hiện hạnh nguyện độ sinh theo dạng đồng sự.

Cô là một người tin Tam bảo, ăn chay trường nhưng trong gia đình, cha mẹ và anh chị không tin Tam bảo, có đi chùa cũng chỉ để vui chơi hay cầu may. Trong gia đình lại thường xảy ra những việc không hay. Cô chán nản và bức bối với những gì mình đang gặp trong hiện tại, oán trách người thân, chán nản với những việc thiện mình đang làm.

Tin Tam bảo, ăn chay trường là những biểu hiện của chánh kiến. Nhưng gặp hoàn cảnh éo le v.v... mà oán trách người là mình chưa hiểu được lý Duy tâm, chưa tin vào lý Nhân quả Phật đã dạy. Nếu tin vào nhân quả, mình phải biết những gì mình đang gặp hiện nay là bắt nguồn từ cái nhân thân, khẩu và ý nghiệp của mình. Không tin nhân quả biểu hiện cho việc thiếu chánh kiến. Cũng do cái chủng thiếu chánh kiến, mình mới sinh vào gia đình tà kiến trong kiếp này.

Nói ra thế để thấy, khi mình chưa phải là Phật thì chánh kiến và tà kiến là hai thứ trộn lẫn nhau trong con người mình. Vì thế, khi thấy thân ruột của mình ‘tà kiến’ thì phải hiểu mình cũng còn những phần tà kiến chưa gột hết. Phải biết mà coi lại cái chủng tà kiến này, nó hiện đang tồn tại ở mặt nào trong mình? Mình chánh kiến rồi đó nhưng có khi chỉ mới tám phần, vẫn còn hai phần là tà kiến. Quan sát để biết mà sửa trị. Tâm thay đổi thì thế giới của mình sẽ thay đổi.

Cũng như chúng tôi, **GIẢI THÍCH** bộ kinh này không phải vì đã được chánh kiến hoàn toàn. Tin vào nhân quả, sống được với lý Nhân quả mà chưa tin vào lý Duy tâm thì cũng chưa phải là kẻ có chánh kiến hoàn toàn. Tin lý Duy tâm mà chưa sống được với lý Duy tâm ấy thì trên sự, vẫn còn dính dáng ít nhiều đến tà kiến. Song làm ra sách là để vừa học, vừa củng cố thêm chánh kiến cho mình, cũng là để san sẻ những điều Phật Tổ đã dạy trong kinh cho những vị hữu duyên cùng biết.

---o0o---

III. Thắng hạnh của Thập thiện hạnh

Phần này nói về thắng hạnh của 10 thiện nghiệp. Kinh này được giảng cho cả hàng Tỳ kheo và đại Bồ tát, là những vị không lấy phước báu Trời Người làm chỗ dừng trụ, nên Phật dạy thêm 10 thiện nghiệp kèm với Lục độ, Tứ nhiếp pháp v.v... 10 thiện hạnh khi được thực hành cùng với các hạnh khác như thế, sẽ sinh ra những quả báo thù thắng hơn nữa, nên nói ***thắng hạnh của Thập thiện hạnh***.

---o0o---

01. Lục Độ Và Thập Thiện Hạnh

Nói rộng về Bồ thí độ

CHÁNH VĂN

Lúc ấy Thế Tôn lại nói với Long vương rằng: Nếu có Bồ tát y nơi thiện nghiệp này, trong lúc tu đạo, có thể lia sát hại mà hành bồ thí thì thường được giàu có, tài bảo không ai xâm đoạt, trường thọ không yếu, không bị tất cả các oán tặc làm hại.

Nếu lia việc không cho cố lấy mà hành bồ thí thì thường được giàu có, tài bảo không ai xâm đoạt, tối thắng không ai bằng, đều có thể tích tập đầy đủ pháp tạng của chư Phật.

Nếu lia tà hạnh mà hành bồ thí thì thường được giàu có, tài bảo không ai xâm đoạt, trong nhà trinh thuận, mẹ và vợ con không vì lòng dục mà bị xâm phạm.

Nếu lia nói dối mà hành bồ thí thì thường được giàu có, tài bảo không ai xâm đoạt, lia các hủy báng, nhiếp trì chánh pháp như lời thệ nguyện, việc làm nhất định có kết quả.

Nếu lia lời ly gián mà hành bồ thí thì thường được giàu có, tài bảo không ai xâm đoạt, quyến thuộc hòa thuận, đồng một chí thích, hằng không tranh trái.

Nếu lia lời thô ác mà hành bồ thí thì thường được giàu có, tài bảo không ai xâm đoạt, tất cả chúng hội hoan hỉ qui y, lời nói đều được người tin nhận không chống trái.

Nếu lia lời nói thêu dệt mà hành bồ thí thì thường được giàu có, tài bảo không ai xâm đoạt, lời nói không hư cuống, người đều kính chịu, hay khéo phương tiện đoạn các nghi hoặc.

Nếu lia tâm tham cầu mà hành bồ thí thì thường được giàu có, tài bảo không ai xâm đoạt, những gì có được đều mang ban cấp, tin hiểu kiên cố, đầy đủ uy lực lớn.

Nếu lia tâm sân giận mà hành bồ thí thì thường được giàu có, tài bảo không ai xâm đoạt, chóng tự thành tựu tâm trí vô ngại, các căn nghiêm hảo, người thấy đều kính yêu.

Nếu lia tâm tà đảo mà hành bồ thí thì thường được giàu có, tài bảo không ai xâm đoạt, thường sinh vào nhà kính tin chánh kiến, thấy Phật, nghe Pháp, cúng dường chúng Tăng, thường không quên mất tâm đại bồ đề.

Đó là những bậc Đại sĩ khi tu Bồ tát đạo, hành 10 thiện nghiệp, do bồ thí trang nghiêm mà được đại lợi ích.

GIẢI THÍCH

Phần này Phật dạy cho những ai thực hành hạnh nguyện Bồ tát, nên mở đầu có câu *Nếu có Bồ tát y nơi thiện nghiệp này, trong lúc tu đạo, có thể ...* và chấm dứt bằng câu *Đó là những bậc Đại sĩ khi tu Bồ tát đạo.*

Bồ tát nói đây chỉ cho hàng xuất gia lẫn tại gia, nên có câu *Nếu lia tà hạnh mà bố thí thì thường được giàu có, tài bảo không ai xâm đoạt, trong nhà trinh thuận, mẹ và vợ con không vì lòng dục mà bị xâm phạm.* Vì vậy dù là tại gia nếu đã phát tâm bồ đề tu Bồ tát đạo thì đều phải y đây mà tu hành, lấy đó trang nghiêm Phật độ của mình.

Khi hành BỐ THÍ mà còn hành 10 thiện, thì chúng ta sẽ được những quả báo Phật dạy trên. Trong các câu, đều có một câu giàu sang, đó là cái quả của việc bố thí. Tùy theo thập hạnh riêng mà có thêm cái quả tốt đẹp của hạnh đó. Hạnh nào chưa giữ được thì không được những quả báo đó.

- Nếu thấy mình được giàu sang, nhưng thân quyến của mình không hòa thuận, làm việc vì cũng nghịch ý nhau, hay tranh cãi v.v... thì cần coi lại cái miệng của mình. Coi mình có hay nói lời ly gián không? Nếu thấy có, thì sám hối những lỗi đã phạm và nhất quyết không gây tạo lỗi mới. Có vậy thì nghiệp cũ mới chuyển, tương lai những quả báo như thế mới không xảy ra.

- Nếu thấy mình được giàu sang, nhưng thân thường có bệnh hoặc trong gia đạo có người thân chết yếu hoặc gặp nhiều kẻ nhiều loạn làm mình phiền não thì thường là mình vương vào tâm sát.

Tâm sát có nhiều dạng:

. Với người, thì có ác tâm muốn hủy diệt, đàn áp, nguyên rủa chỉ vì lòng hơn thua, không hẳn phải đợi giết người mới có tâm sát.

. Với sinh vật thì giết hại.

. Với vật vô tình thì muốn chặt chém, phá tán.

Thấy có các điều trên thì cần tỉnh biết buông bỏ khi nó hiện khởi và hạn chế việc sát hại sinh vật. Có vậy, mới thọ hưởng được sự giàu sang đầy đủ, phước ở đời mới tròn. Không thì tuy giàu sang nhưng yếu mạng, đau ốm và gặp nhiều việc oán hận, không tốt cho hiện đời và những kiếp sau.

---o0o---

Nói lược về 5 độ sau

CHÁNH VĂN

Như vậy này Long Vương ! Tóm lại, hành thập thiện đạo, nhờ Giới trang nghiêm nên hay sinh tất cả nghĩa Phật pháp lợi ích, đầy đủ đại nguyện. Nhờ Nhẫn nhục trang nghiêm nên được viên âm của Phật, đầy đủ các tướng hảo. Nhờ Tinh tấn trang nghiêm nên hay phá ma oán, vào Phật pháp tạng. Nhờ Định trang nghiêm nên hay sinh niệ, tuệ, tầm, quý, khinh an. Nhờ Tuệ trang nghiêm nên hay đoạn tất cả vọng kiến phân biệt.

GIẢI THÍCH

Năm độ sau là Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ. Hành Thập thiện mà còn tu thêm các hạnh đó thì sẽ được các quả báo nêu trên. Nói cách khác, muốn có được các quả báo đó, ta phải tu Thập thiện cộng với Lục độ. Như muốn có được thân tướng hảo và viên âm của Phật thì phải hành 10 thiện và tu thêm hạnh Nhẫn nhục.

Nhờ Giới trang nghiêm, là dùng Giới tô điểm cho bản thân, tức lấy việc giữ giới làm đẹp cho bản thân. Đó là một cái đẹp thuộc về đức hạnh. Nhờ đức hạnh đó, thân tướng toát ra sự đức độ, uy nghi v.v... khiến người người quý kính.

Ma oán, chỉ cho tất cả các ma như thiên ma, ma nghiệp v.v... Tất cả không ra ngoài ngũ âm ma.

Phật pháp tạng, thô là chỉ cho biển giáo pháp của Phật. Tế, chỉ cho biển pháp tánh chân như.

Dù có tu Thập thiện và tu các độ mà không tinh tấn thì cũng không tới đâu, nên **Tinh tấn** được xem là một độ trong lục độ. Có tinh tấn hành Thập thiện và năm độ còn lại, mới có thể phá ma oán, vào Phật pháp tạng.

Viên âm, chỉ cho tiếng nói của Phật. Kinh *Hoa Nghiêm*, phẩm Tịnh Nhãn nói: “*Diệu âm vang khắp tất cả thế giới không thể cùng tận giống như hư không*”. Cũng nói kệ: “*Phật dùng nhất âm diễn nói pháp. Chúng sinh tùy loài mà được hiểu*”.

Tổ Hiền Thủ **GIẢI THÍCH**:

Diệu âm vang khắp là nói viên âm của Như Lai theo tánh duyên khởi trùm khắp mà không hoại từng thuyên biểu riêng. Nếu bình đẳng trùm khắp mà mất âm khúc thì viên mà không âm. Nếu có âm khúc mà trái với trùm khắp thì âm mà không viên. Nay không hoại âm khúc mà bình đẳng trùm khắp, bất động trùm khắp mà vẫn có âm vận sai biệt, chính là viên âm của Như Lai. Đây không phải là cảnh giới suy lường của tâm thức.

Như hư không, vì có 5 nghĩa:

. *Trùm khắp: Viên âm của Phật trùm khắp pháp giới không chỗ nào không đến.*

. *Bình đẳng: Tuy trùm khắp mà tánh thể hằng không hai.*

. *Vô ngại*: Viên âm của Phật tùy căn cơ thuần hay chưa thuần mà nghe hay không nghe v.v... nhưng đều không có chướng ngại, như hư không.

. *Đối hiện*: Tùy căn cơ sai biệt mà người nghe thấy như có khác nhau, nhưng viên âm thì không có đây hay kia.

. *Hàm chứa*: Như hư không bao hàm các sắc pháp, viên âm của Phật hàm nhiếp tất cả nghĩa của các pháp.

Niệm, có niệm lực, niệm định v.v... *Niệm định*, là chánh niệm và chánh định. *Niệm lực*, là sức chuyên niệm có thể khán lại những lực chướng ngại bên ngoài.

Tâm quý, là biết hổ thẹn và sợ hãi đối với những lỗi mình đã phạm. Điều đó cũng có nghĩa là biết tôn trọng công đức và các thiện hạnh.

Nhờ Định mà có tâm quý, câu này rất quan trọng đối với việc hành thiền. Có người ‘bất động’ bằng cách mặc kệ luôn với những lời góp ý đúng, vẫn tiếp tục với những việc bất thiện của mình, và cho đó là mình đang thực hành pháp bất động. Bất động như thế là tà bất động. Vì sao? Vì trạng thái ‘bất động’ mà nhà thiền hay nói là cái quả của định tuệ bình đẳng. Có TUỆ thì phải nhận biết được việc gì là thiện nên làm, việc gì là bất thiện nên tránh. Có ĐỊNH, đây nói nhờ nó mà có tâm quý, thì phải có tâm hổ thẹn và chừa bỏ những gì thuộc bất thiện. Vì thế đối với lỗi đã phạm, chưa dứt bỏ được liền thì phải nguyện dứt bỏ cho bằng được. Có thể dùng câu này để phân biệt chánh định và tà định. Nếu đúng là định của Phật giáo thì phải luôn có tâm tâm quý đối với việc làm, lời nói và ý nghĩ bất thiện.

Khinh an, là trạng thái an lạc, nhẹ nhàng, rộng mở, thông dong.

Nhờ tu Thập thiện và định lực mà ta có được các hiện tượng trên.

Vọng kiến phân biệt, là cái thấy phân biệt hư dối. Chân thể thanh tịnh vốn vô tướng. Do vô minh bất giác mà hiện cái thấy hư vọng (chỉ cho cái thấy của chúng sinh hiện nay) cùng cảnh giới hư vọng (chỉ cho 5 trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc mà chúng sinh đang cảm nhận bằng các giác quan của mình), nên nói **vọng kiến**. Vọng kiến này lại bị vô minh chi phối, nên đối với cảnh giới hư vọng không biết nó hư vọng, lại khởi **phân biệt** ta người, đẹp xấu v.v... từ đó sinh ra yêu ghét, rồi tạo nghiệp, luân hồi trong lục đạo.

Nếu tin hiểu cảnh giới trước mắt không lia tâm mà có, xấu, đẹp v.v... chỉ là những kiến chấp duyên khởi của vọng tâm, thì giữ tâm không thủ, không niệm ... cho đến lâu xa, nhờ lực huân tập đó mà vô minh diệt. Do vô minh diệt nên tâm không khởi. Do tâm không khởi, cảnh giới diệt theo. Do nhân duyên đều diệt nên tướng của tâm đều hết. Đó là **Nhờ Tuệ trang nghiêm nên hay đoạn tất cả vọng kiến phân biệt**.

02. Các Hạnh Khác Và Thập Thiện

CHÁNH VĂN

Nhờ TỪ trang nghiêm, nên đối với chúng sinh chẳng khởi tâm não hại.

Nhờ BI trang nghiêm nên thương chúng sinh thường chẳng chán bỏ.

Nhờ HỖ trang nghiêm nên thấy người tu thiện tâm không tật đố.

Nhờ XẢ trang nghiêm nên đối với cảnh thuận nghịch không có tâm thương giận.

GIẢI THÍCH

Bốn vô lượng tâm là từ, bi, hỷ, xả.

Luận Đại Trí Độ quyển I nói:²

Từ là thương tưởng chúng sinh, thường tìm việc vui thích và an ổn để lợi ích chúng sinh. Tu tâm từ để trừ giác tướng sân hận đối với chúng sinh.

Bi, là thương tưởng đến chúng sinh phải chịu mọi sự thân khổ tâm khổ trong năm đường. Tu tâm bi để trừ giác tướng não hại chúng sinh.

Hỷ, là muốn làm cho chúng sinh từ vui được hoan hỷ. Tu hỷ tâm là để trừ sự không vui vẻ đối với chúng sinh. Nghĩa là, đối với chúng sinh chưa vui thì khiến họ được vui, với chúng sinh vui rồi thì khiến họ càng thêm vui.

Thường, chư vị có hoàn cảnh đau khổ hay thấp kém hơn mình thì mình dễ thương cảm, nhưng với chư vị có hoàn cảnh ngang mình hay hơn mình, thì mình dễ khởi tâm đố kỵ, vì thế cần phải tu tâm hỷ để xả bỏ các tâm đó.

Xả, là xả bỏ ba thứ tâm trên, chỉ nghĩ đến chúng sinh mà không ghét không thương. Tu tâm xả để trừ sự yêu ghét với chúng sinh. Theo tính duyên khởi, một khi tâm đã khởi thương thì đủ duyên sẽ khởi ghét, thương ghét kèm nhau. Để không ghét thì phải xả luôn tâm thương. Ngoài ra, tu ba tâm trên là để đối trị các giác tướng sân hận, não hại và đố kỵ. Các giác tướng ấy hết thì pháp đối trị cũng phải buông, trả tâm về chỗ “Không sinh cũng không diệt, không một cũng không khác...”.

Vô lượng, vì không phải một phương mà trùm khắp mười phương. Từ, bi, hỷ, xả trải khắp chúng sinh ở mười phương, nên gọi là Tứ vô lượng tâm.

Tu Thập thiện hạnh cùng với Tứ vô lượng tâm thì sẽ được cái quả là bất động được với mọi loài chúng sinh dù là thuận hay nghịch với mình. Bất động nhưng không có tâm chán bỏ, cũng không có tâm não hại. Chỉ một mực cùng họ hướng về đạo

vô thượng. Luận Đại Trí Độ nói: “Do chấp thủ tướng chúng sinh, nên tâm từ rơi vào hữu lậu. Nếu thủ tướng rồi, mà vào được thật tướng của các pháp thì tâm từ ấy thành vô lậu”. Cũng là tâm từ nhưng chỉ do mình có chấp thủ tướng hay không mà thành hữu lậu hay vô lậu.

CHÁNH VĂN

Nhờ TỨ NHIẾP trang nghiêm nên thường siêng năng nhiếp hóa tất cả chúng sinh.

GIẢI THÍCH

Tứ nhiếp, là bốn pháp mà Bồ tát dùng để nhiếp hóa chúng sinh. Đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

BỐ THÍ là việc dễ làm nhất để gieo duyên với chúng sinh. Đứng ở mặt nhân quả hiện tại, bố thí hay cúng dường cho ai bằng tấm lòng chân thật, quý kính đều dễ gây thiện cảm với người, nói người dễ nghe ...

Bố thí có nhiều loại, bố thí tài vật, bố thí công sức, bố thí sự không sợ, bố thí pháp v.v...Nhờ lời nói của mình mà người khác nhận được sự giúp đỡ, khiến cuộc đời của họ thay đổi theo chiều hướng tốt cũng là một dạng bố thí, dù nó mang tính lợi hành nhiều hơn.

Bố thí là phương tiện dễ làm nhưng tác dụng của nó lại rất lớn, lại có thể gieo tạo duyên lành trong cả ba đời, nên nó là một trong bốn pháp mà Bồ tát phải có trên con đường hành đạo.

Bố thí lợi người mà cũng lợi cho chính mình. Vì bố thí với tâm lượng như thế cũng là đang phá đi những tâm niệm vị kỷ của chính mình.

ÁI NGỮ, với hàng căn cơ đã thuần thực thì ái ngữ hay thô ngữ đều là pháp giúp chúng ta tiến về đạo vô thượng. Nhưng với đa phần chúng sinh, thì lời nói dịu ngọt, nhẹ nhàng luôn có tác dụng hơn lời nói thô cứng. Người xưa nói: “Mật ngọt chết ruồi”. Vì thế ái ngữ là một trong bốn pháp dùng để nhiếp hóa người. Ái ngữ nói đây, là để giúp người sống đúng với chánh pháp, phát triển trí tuệ, tuy cũng lợi mình nhưng là ở mặt công đức, nó không mang tính ái ngữ như người đời, chỉ vì lợi lộc thế gian mà dùng ái ngữ.

LỢI HÀNH, là làm một việc gì đó mang lợi ích đến cho người, khiến người mến mộ qui phục. Nói lời thiện, làm việc thiện khiến người mến mộ theo về cũng là một dạng lợi hành, đây thuộc thân giáo.

ĐỒNG SỰ, là dùng những cái tương đồng với chúng sinh để giúp họ sống thiện và làm thiện, như đồng cảnh ngộ, đồng sở thích, đồng việc làm, đồng quan niệm v.v... Từ cái đồng ấy mà dẫn dắt họ về đạo vô thượng.

Ông xã tôi có một người bạn. Ông này là một phật tử. Phật tử thì giới thứ năm là không được uống rượu. Nhưng ông mở tiệm ăn và bán rượu. Lúc đầu thì chỉ thấy bán, sau thấy ngồi cùng bàn với mấy ông bạn nhậu. Ông xã tôi góp ý thì bảo có vậy mới dẫn họ vào đạo được, cách biệt quá không nên. Nghe cũng có lý, chắc đang thực hiện pháp đồng sự.

Một lần ông ấy nghe ông xã tôi cai trà vì thấy trong người không ổn, không có trà cứ như thiếu thuốc, nên phải bỏ. Ông ấy cười: “Ta uống rượu còn không say, mới uống trà chun chút đã say phải bỏ”. Ừ, dù chỉ là trà mà đã say hay nghiện thì phải bỏ. Bởi tu, đâu có gì khác là phá ‘tập’. Thứ gì có nguy cơ thành ‘tập’ đều phải bỏ.

Rượu cũng vậy, bản thân nó không lỗi, nhưng 5 giới của phật tử tại gia cấm, vì uống nó vào đầu óc mình không tỉnh, chưa kể uống hoài nó sẽ thành ‘tập’ của mình. Thành ‘tập’ rồi thì mình sẽ bị trói buộc trong thói quen đó. Sẽ dẫn đến nhiều tai hại cho bản thân, gia đình và xã hội. Điều này thực tế đã chứng minh.

Cách mấy bữa sau, tôi điện thoại xin gặp ông bạn có chút việc. Chị vợ nói: “Ông nhậu xin quá, ngủ quắc cần câu rồi”.

Muốn thực hiện pháp đồng sự để giúp bạn bè hữu duyên ‘viễn ly điên đảo mộng tưởng đạt đến cứu cánh Niết bàn’ thì nhậu gì nhậu mình cũng phải tỉnh, phải có lực tự tại của chính mình, không thì chẳng có được chút giáo pháp nào trong đầu để dẫn dắt người về đạo vô thượng. Bình thường đây, đọc kinh đọc luận còn chưa hiểu, nói gì lúc đầu óc mơ màng đầy chất rượu nồng.

Cho nên đồng sự mà đồng ở những thói xấu, để dẫn người về đạo vô thượng, đòi hỏi mình phải có một định lực tối thiểu nào đó - đủ làm chủ những sinh khởi trong lòng khi tiếp duyên - thì hãy nên đồng sự. Không thì khoan cho chắc ăn. Bởi có định lực như thế thì sự tỉnh giác của mình mới không bị vọng tưởng gạt. Không thì thực hành đồng sự mà thật ra chỉ là bị cái đồng nghiệp nó lôi. Chỗ này không cần thận không được.

CHÁNH VĂN

Nhờ NIỆM XỨ trang nghiêm nên khéo tu tập Tứ niệm xứ quán.

GIẢI THÍCH

Niệm xứ, là Tứ niệm xứ nói trong các kinh nguyên thủy. Đó là Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường và quán pháp vô ngã. Mục đích của việc quán này là giúp xa lìa sự chấp thủ thân, thọ, tâm, pháp để thể nghiệm chân lý.

Đây là phần đầu tiên trong 37 phẩm trợ đạo. Các phần còn lại là Tứ chánh cần, Tứ như ý túc v.v... sẽ được nói lần lượt ở các phần kế sau.

Luận Đại Trí Độ có phần hỏi đáp như sau:

Hỏi : 37 phẩm trợ đạo là đạo của Thanh văn và Bích Chi Phật, Lục độ mới là đạo của đại Bồ tát, đây vì sao trong Bồ tát đạo còn nói đến pháp của Thanh văn?

Đáp : Vì đại Bồ tát phải học tất cả thiện pháp, như Phật nói với Tu Bồ Đề: “Đại Bồ tát học Bát nhã ba la mật phải học tất cả thiện pháp, tất cả đạo”. Đó là từ Càn Huệ Địa cho đến Phật đạo. Chín địa ấy nên học mà không thủ chứng ...

Lại nữa, chỗ nào nói 37 phẩm trợ đạo chỉ là pháp của Thanh văn và Bích Chi Phật chứ không phải của Bồ tát? Chính trong phẩm Đại thừa của kinh Bát Nhã Ba La Mật, Phật nói Tứ niệm xứ cho đến Bát thánh đạo là Đại thừa ... Phật vì tâm đại từ mà nói 37 phẩm trợ đạo, chỉ tùy nhân duyên của chúng sinh mà chứng đạo ấy. Người muốn cầu Thanh văn thì nương đó mà chứng quả Thanh văn. Người muốn cầu Bích Chi Phật thì nương đó mà chứng Bích Chi Phật. Người cầu Phật đạo thì nương đó mà được Phật đạo...

Hỏi : Tuy không chỗ nào nói 37 phẩm trợ đạo là riêng của Thanh văn, nhưng lấy nghĩa mà suy thì các phẩm ấy chỉ nói đến pháp Niết bàn, không nói đến Ba la mật cũng không nói đến đại bi, trong khi Bồ tát ở lâu trong sinh tử, qua lại năm đường, không gặp lấy Niết bàn.

Đáp : Bồ tát tuy ở lâu trong sinh tử nhưng cũng phải biết thật đạo, phi đạo, pháp thế gian, pháp Niết bàn ...

Lại nữa, Bồ tát ở lâu trong sinh tử, phải chịu các thứ khổ não nơi thân tâm, nếu không có thật trí làm sao nhẫn được với các việc ấy. Do vậy Bồ tát phải cầu thật trí về đạo phẩm ấy. Do sức Bát nhã ba la mật mà có thể chuyển thế gian thành đạo quả Niết bàn ...³ Vì không thủ tướng thì đó là Niết bàn.

Trong pháp của Thanh văn không nói ‘Thế gian tức Niết bàn’, vì trí tuệ chưa thâm nhập được các pháp ấy. Còn pháp của Bồ tát nói ‘Thế gian tức Niết bàn’, vì trí tuệ thâm nhập được các pháp ấy. Bồ tát chứng được thật tướng nên không chán thế gian, không vui Niết bàn.

Đoạn luận đó cho thấy pháp không có Tiểu Đại, Tiểu hay Đại là tùy căn cơ của từng người.

Pháp đặt ra, chỉ là tùy bệnh cho thuốc. Minh vương vào bệnh nào thì cứ dùng thuốc hợp với bệnh ấy mà trị. Nếu là người có tinh thần Đại thừa thì biết thuốc chỉ để trị bệnh. Bệnh hết thì thuốc cũng bỏ, không chấp đây là pháp Tiểu thừa, đây là pháp Đại thừa. Bởi tất cả chỉ là phương tiện. Tu Đại thừa mà đưng đầu cũng chấp thì góc

chính là Tiểu thừa. Tu pháp Tiểu thừa mà tâm không chấp trụ các pháp thì gốc chính Đại thừa.

Tôi có quen một người, chị tu và học những thứ mà người ta gọi là Tiểu thừa, nhưng nói chị tu Tiểu thừa chị không chịu, chị không chịu chữ Tiểu, vì Tiểu là nhỏ. Pháp chị tu không thể nhỏ được. Lúc đầu tất cả kinh điển Đại thừa chị đều cho là ma pháp. Sau một thời gian dài, nhờ sự giáo hóa của một vị bên Nguyên Thủy, chị không còn cho kinh sách Đại thừa là ma pháp nữa, nhưng chị vẫn không chịu hai chữ Đại thừa. Chị nhét tất cả kinh sách Đại thừa vào trong hai chữ Tiểu thừa. Chỉ cần ai lên tiếng chút gì đó là về hai chữ Đại thừa, chị liền nổi xung thiên hùng hổ phản bác. Đó là một trạng thái chấp pháp. Cho nên, chư vị Tổ sư phân Tiểu hay Đại không căn cứ ở pháp mà ở việc chấp nhiều hay ít. Vì vậy đã học pháp Đại thừa thì phải có tinh thần phóng khoáng, không chấp Tiểu hay Đại, pháp nào trị đúng bệnh của mình giúp mình hết bệnh thì dùng, không phải bệnh của mình thì dù là pháp Đại Đại cũng không đụng đến. Hết bệnh rồi thì pháp phải buông.

Bản chất các pháp là không, chỉ tùy duyên mà hiện tướng. Tùy duyên thì hết duyên tướng cũng hết. Phật nói pháp bốn mươi chín năm, rốt cuộc nói ta không nói một chữ. Ta học pháp Phật cũng phải học tinh thần vô trụ vô chấp như thế.

37 phẩm trợ đạo này, nếu chúng ta tu Phật, học Bồ tát hạnh thì cũng phải y đây mà tu tập. Pháp nào phù hợp với căn lực của mình trong hiện đời, giúp mình trị được những tật bệnh của mình, giúp mình có định lực và trí tuệ v.v... thì mình đều nên tu học. Pháp nào, hiện đời ứng dụng vào mà thấy không phù hợp hoặc không đúng bệnh của mình, thì biết là không phải duyên, để đó tính sau. Luận *Đại Trí Độ* có ghi:

Hỏi : Pháp Tứ niệm xứ có thể giúp đắc đạo đầy đủ, sao còn phải nói đến 37 phẩm trợ đạo?

Đáp : Tứ niệm xứ, nhờ nó có thể đắc đạo, nhưng vẫn cần các pháp còn lại, vì tâm chúng sinh chủng loại không đồng, kiết sử nhiều thứ, sự ưa thích hiểu biết cũng nhiều thứ. Phật pháp tuy nhất chân nhất tướng nhưng vì chúng sinh mà có mười hai bộ kinh, phân biệt nói ra tám muôn bốn ngàn pháp tu ... Nếu không như thế, chỉ cần nói Tứ đế là đủ, không cần phải nói pháp khác ... Như các bệnh không đồng mà thuốc thành có nhiều thứ, Phật cũng vậy, vì tâm bệnh của chúng sinh nhiều thứ nên Phật dùng nhiều thứ thuốc để trị.

Tu pháp của Phật thì cần phải lưu ý đến mặt tùy duyên này. Không nên cố chấp.

Pháp quán ‘Quán thân trên thân’ được ghi sau sẽ giúp chúng ta phát triển được định lực và trí tuệ rất tốt. Vì thế, dù ở thời nào đi nữa, pháp ấy cũng luôn cần thiết khi chúng ta mới tập hành thiền:

Thở vô dài, biết thở vô dài. Thở vô ngắn, biết thở vô ngắn ... khi đi biết tới đi, khi đứng biết tới đứng. Thân thể được sử dụng thế nào vị ấy biết thân thể như thế ấy. Lại nữa, này các Tỳ kheo! Khi bước tới bước lui biết việc mình đang làm. Khi co tay duỗi tay biết việc mình đang làm. Khi mang bát, mang y biết rõ việc mình đang làm ... Vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh...

Trong các phần sau, nếu thấy phần **GIẢI THÍCH** có khác với 37 phẩm trợ đạo được **GIẢI THÍCH** ở các luận khác, chỉ là vì đây **GIẢI THÍCH** sâu hơn mà thôi. Đó là 37 phẩm trợ đạo dành cho hàng Bồ tát tu Bát nhã ba la mật, đa phần được trích lọc từ luận *Đại Trí Độ* của Bồ tát Long Thọ.

CHÁNH VẤN

Nhờ CHÁNH CẦN trang nghiêm nên có thể đoạn trừ tất cả pháp bất thiện thành tất cả pháp thiện.

GIẢI THÍCH

Chánh cần là bốn việc cần phải siêng tu tập:

- . Việc thiện chưa sinh, siêng làm nó phát sinh.
- . Việc thiện đã sinh, năng làm nó tăng trưởng.
- . Việc ác đã sinh, siêng đoạn trừ.
- . Việc ác chưa sinh, năng không để phát sinh.

Vì bốn việc đó mà kinh nói ***Có thể đoạn trừ tất cả pháp bất thiện thành tất cả pháp thiện.***

CHÁNH VẤN

Nhờ THẦN TỨC trang nghiêm nên thường khiến thân tâm khinh an vui thích.

GIẢI THÍCH

Thần tức, còn gọi là Tứ như ý túc.

Hành giả khi thực hành Tứ niệm xứ và Tứ chánh cần, được trí tuệ và chánh tinh tấn. Do tinh tấn nên tuệ tăng nhiều, định giảm yếu. Lúc ấy dùng bốn định thu nhiếp, khiến định tuệ bình đẳng, nhờ đó sở nguyện đều thành tựu như ý, nên gọi là Như ý túc. Phát ra các thần dụng, nên còn gọi là Thần tức.

1/ DỤC ĐỊNH đoạn hành thành tựu thần tức: Dục nói đây không phải là tham dục mà là ‘chí’ là ‘nguyện’ muốn lìa tất cả vọng tưởng điên đảo, muốn được tất cả các

pháp môn thiền định, trí tuệ v.v... Nhờ chí nguyện đó làm phát sinh thiền định có thể đoạn được các hành, thành tựu các pháp lành, nên gọi là ‘Dục định’. Phật dạy “*Tất cả pháp lành lấy dục làm gốc*” là chỗ này. Thiền dục giúp phát sinh chánh căn, là phần Căn định sau.

Ý nghĩa của các phần sau, cứ theo đó mà hiểu.

2/ TÂM ĐỊNH đoạn hành thành tựu thần túc.

3/ CĂN ĐỊNH đoạn hành thành tựu thần túc.

4/ QUÁN ĐỊNH đoạn hành thành tựu thần túc.

Nhờ 4 định trên mà thành tựu Tứ thần túc.

CHÁNH VĂN

Nhờ NGŨ CĂN trang nghiêm nên thâm tín kiên cố, tinh cần không giải đãi, thường không mê vọng, tịch nhiên điều thuận, dứt các phiền não.

GIẢI THÍCH

Ngũ căn, là Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn. Thứ gì có khả năng sinh ra các thứ khác, gọi là *căn*. Niềm tin có thể làm phát sinh ra những thiện pháp khác, nên gọi là Tín căn.

Tin vào đạo và thiện pháp trợ đạo, là TÍN CĂN. Do tin mà hành, hành có kết quả thì niềm tin càng được củng cố, nên nói *thâm tín kiên cố*.

Nhờ tin mà thực hành pháp trợ đạo ấy siêng cầu không ngừng, đó là TINH TẤN CĂN. Tinh tấn thì không giải đãi, nên nói *tinh cần không giải đãi*.

Do tinh cần nên chỉ nhớ nghĩ đến đạo và pháp trợ đạo, là NIỆM CĂN.

Nhất tâm nhớ nghĩ không tán loạn, là ĐỊNH CĂN.

Quán hết thấy pháp là vô thường v.v... Với pháp thế gian thì không ưa, với pháp Niết bàn cũng không thích, được trí tuệ tự tại, ấy là TUỆ CĂN.

Nhờ niệm, định, tuệ mà thật tướng các pháp hiện rõ, tâm thường an nhiên tịch lặng, không còn phiền não, nên nói *thường không mê vọng, tịch nhiên điều thuận, dứt các phiền não*.

CHÁNH VĂN

Nhờ LỰC trang nghiêm nên các oán diệt hết, người không thể phá hoại.

GIẢI THÍCH

Ngũ căn tăng trưởng có thể ngăn chặn phiền não, có thể dẫn vào thâm pháp, gọi là **ngũ lực**. Nói cách khác, khi ngũ căn được hành trì thuần thực thì nó tạo ra **ngũ lực** giúp ta dứt đi phiền não và ngộ nhập thực tướng các pháp.

CHÁNH VĂN

Nhờ **GIÁC CHI** trang nghiêm nên thường khéo giác ngộ tất cả pháp.

GIẢI THÍCH

Giác chi là Thất giác chi. Bảy việc này có thể đưa đến sự giác ngộ chân thật của bậc vô học, nên gọi là **giác chi**. Vì muốn nhập Niết bàn vô vi nên thực hành các pháp này. Thất giác chi là:

1/ NIỆM GIÁC CHI: Đối với hết thấy pháp không nhớ không nghĩ, gọi là Niệm giác chi.

2/ TRẠCH PHÁP GIÁC CHI: Trong tất cả pháp tìm thiện pháp, bất thiện pháp, vô ký pháp không thể có, gọi là Trạch pháp giác chi.

3/ TINH TẤN GIÁC CHI: Phá đi sự trói buộc ở ba cõi, gọi là Tinh tấn giác chi.

4/ HỖ GIÁC CHI: Quán các pháp hữu vi là ‘không’, không chấp trước, trong thật trí sinh hỷ, đó là chân hỷ.

5/ TRỪ GIÁC CHI: Còn gọi là Khinh an giác chi. Được chân hỷ thì trước trừ được thân thô trọng, kế trừ được tâm thô trọng, sau mới trừ hết thấy pháp tướng, được sự khoái lạc biến khắp trong thân tâm, gọi là Trừ giác chi.

6/ ĐỊNH GIÁC CHI: Biết tướng của hết thấy pháp thường định, không tán loạn.

7/ XẢ GIÁC CHI: Không đắm trước, không y tựa các pháp, xả hết các hí luận, cũng không thấy tâm xả ấy, gọi là Xả giác chi.

Thất giác chi nói đây không chỉ hạn cuộc trong việc phá ngã mà soi thấu luôn thực tướng của các pháp, nên nói **khéo giác ngộ tất cả pháp**.

CHÁNH VĂN

Nhờ **CHÁNH ĐẠO** trang nghiêm nên được chánh trí tuệ thường hiện tiền.

GIẢI THÍCH

Bát chánh đạo là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Những suy nghĩ, lời nói và hành động nào tương ứng với lý Nhân quả, lý Duy tâm, cái quả của chúng mang tới an lạc, lợi ích cho mình và cho người trong hiện tại và tương lai, gọi là **chánh**.

CHÁNH KIẾN là có cái nhìn hoặc là quan niệm đúng đắn về cuộc đời này.

Thấy lý Nhân quả chi phối toàn bộ thế giới này là có chánh kiến.

Nhận ra bản chất của thế giới này ‘không phải có cũng không phải không’ là có chánh kiến.

Thấy được ‘Tâm sinh thì tất cả pháp sinh. Tâm diệt thì tất cả pháp diệt’ là có chánh kiến v.v...

CHÁNH TƯ DUY: Chánh kiến là nền tảng để ta có những suy nghĩ chân chánh. Những tư duy nào lấy chánh kiến làm nền tảng, đều gọi là chánh tư duy. Tùy mức độ tâm thức của từng người mà chánh tư duy có cạn hay sâu.

Luận Đại Trí Độ nói: «*Bồ tát đối với các pháp không, không có sở đắc. Trú trong chánh kiến như vậy mà quán sát tướng của chánh tư duy, biết tất cả tư duy đều là tà tư duy. Cho đến tư duy Niết bàn, tư duy Phật đều cũng như vậy. Vì sao? Vì dứt hết thấy tư duy phân biệt, đó gọi là chánh tư duy*».

‘*Đối với các pháp không ...*’ là thấy các pháp tuy có hình tướng nhưng tướng ấy như mộng như huyễn, đều là biến hiện của tự tâm, tánh nó là không, không có gì để nắm bắt. Thấy được vậy gọi là có chánh kiến. Có chánh kiến như thế thì nhận ra rằng, chánh tư duy rốt ráo nhất chính là không tư duy, mọi tư duy đều là tà tư duy. Đó là chánh tư duy của hàng Bồ tát Đại thừa.

CHÁNH NGŨ: Là lời nói chân chánh. Lời nói chân chánh là lời nói không mang tính chia rẽ, xúc xiểm, nguyên rủa, không mang tính gian dối hay phát xuất từ sự sân hận v.v... Nói chung, những lời nói nào, dù êm ái ngọt dịu mà có khuynh hướng hại người hại vật, đều không phải là chánh ngữ.

Có một loại lời nói mà chúng ta dễ mắc phải, nhất là với những người ‘ăn nói có duyên’, là lời nói mang tính đùa cợt giúp vui mọi người. Trong cái duyên là không khí căng thẳng quá, thì một lời nói đùa khiến tình trạng căng thẳng qua đi là việc cần thiết, nhưng những lời nói đùa thường xuyên, với người tu thiền là cái quả của một tâm tán loạn. Bởi khi tâm tĩnh lặng, nói lời bình thường còn không muốn, huống là đùa cợt hí luận? Nếu không biết mà dừng, nó sẽ trở thành tập khí của mình.

Luận Đại Trí Độ nói: «*Biết được thật tướng của ngôn ngữ chính là chánh ngôn ngữ. Biết hết thấy ngôn ngữ đều do phân biệt thủ tướng hư vọng điên đảo mà sinh ra, trong ngôn ngữ không có tướng ngôn ngữ, dứt hết thấy khẩu nghiệp, đó là Bồ tát thực hành chánh ngữ. Có nói năng gì đều trú trong thật tướng mà nói. Bồ tát trụ trong chánh ngữ thường khởi khẩu nghiệp thanh tịnh, biết chân tướng của hết thấy ngữ ngôn, tuy có nói mà không rơi vào tà ngữ*».

CHÁNH NGHIỆP: Bồ tát biết nghiệp do nhân duyên sinh nên hết thấy đều không. Tuy biết các nghiệp đều không, nhưng với nghiệp ác không làm, nghiệp thiện lại tinh tấn phát huy. Tuy phát huy nhưng không đắm trước, không cầu phước báo Trời Người, mà đều hồi hướng cho Phật đạo của mình và người. Đó gọi là chánh nghiệp của Bồ tát.

CHÁNH MẠNG: Hết thấy phẩm vật giúp nuôi mạng sống đều chánh, không phải tà.

Có 5 thứ tà mạng cần biết:

- 1/ Vì lợi dưỡng của bản thân mà dối trá hiện tướng công đức.
- 2/ Vì lợi dưỡng cho bản thân mà tự nói tướng công đức của mình.
- 3/ Vì lợi dưỡng của bản thân mà xem tướng cát hung cho người.
- 4/ Vì lợi dưỡng của bản thân mà hiện tướng làm người khiếp sợ để qui thuận.
- 5/ Vì lợi dưỡng của bản thân mà khen ngợi công đức cúng dường để khích động lòng người.

Đó là 5 kiểu nuôi sống bản thân gọi là tà. Phần này nói cho hàng xuất gia, cũng cho hàng tại gia đã phát tâm bồ đề. Tuy nói 5 nhưng vào chi tiết thì nhiều hơn. Nói chung, vật phẩm lợi dưỡng nào nuôi sống bản thân mà phải do tác ý hay thủ đoạn mới có, đều là tà mạng.

Luận Đại Trí Độ nói: «*Trụ trong trí không hí luận, không thủ chánh mạng, không xả tà mạng, cũng không ở trong chánh pháp, cũng không ở trong tà pháp mà thường ở trong trí thanh tịnh, thường nhập lý chánh mạng bình đẳng, không thấy mạng không thấy phi mạng, thực hành như thế gọi là chánh mạng*». Như vậy, chánh mạng của hàng Bồ tát tâm đã thanh tịnh không y cứ vào vật phẩm bên ngoài để đánh giá, mà chỉ y cứ vào tâm vô phân biệt. Tâm nếu đạt được trạng thái vô phân biệt rồi thì vật phẩm nuôi dưỡng bản thân, dù bất tịnh dưới mắt người khác, cũng thành thanh tịnh.

Tóm lại, với tâm thanh tịnh vô phân biệt thì tất cả mọi hoạt dụng đều là diệu dụng, nhưng với tâm thức còn đầy dẫy phân biệt như mình, tức tâm qui ngã vẫn còn, thì mọi sinh hoạt cần phải cẩn trọng, không nên để rơi vào tà mạng. Vì sao? Vì với tâm vô phân biệt thì Địa ngục không khác Niết bàn, khổ lạc không hai, chư vị có gieo cái nhân Địa ngục thì việc thọ nhận Địa ngục của chư vị cũng như đạo xuân. Còn với tâm thức phân biệt của chúng sinh thì Địa ngục không phải là Niết bàn, một khi nhân đã gieo thì đủ duyên quả liền trở. Khi không đủ nhân lực để chịu quả khổ nạn đó, mình sẽ gây ác nghiệp. Cứ thế mà nhân quả trả vay ngày càng trôi buộc. Đó là điều mình phải cẩn trọng khi tâm vô phân biệt chưa có.

CHÁNH TINH TẤN: Tinh tấn thực hành các pháp trợ đạo để thành tựu bồ đề, gọi là chánh tinh tấn. Không có phần chánh tinh tấn này thì nghiệp ác dễ sinh, nghiệp thiện dễ nản v.v... Vì thế trong Lục độ, tinh tấn chiếm một độ riêng. Trong Bát chánh đạo, tinh tấn cũng có phần v.v...

CHÁNH NIỆM: Niệm, là ghi nhớ rõ ràng không quên đối với việc đã từng tập quen. Chánh niệm, là ghi nhớ đúng đắn tánh tướng của vạn pháp. Nó là nền tảng giúp phát sinh chánh định.

CHÁNH ĐỊNH: Định, là nền tảng để trí tuệ phát sinh, cũng là nền tảng giúp phát sinh những hiện tượng phi thường mà ta hay gọi là thần thông. Chánh định giúp phát sinh trí tuệ, nhưng với thần thông, tà định cũng giúp thần thông xuất hiện. Vì thế, để phân biệt loại định hành giả đang tu là tà hay chính, các bậc cô đức không y cứ vào các hiện tượng mang tính thần thông, mà y cứ vào ba tướng tham sân si giảm nhiều hay ít để đánh giá.

Tổ Hiền Thủ nói: *«Trong định tà định thì ngoài mắc danh lợi»*. Cũng nói: *«Tham sân si dần nhạt mỏng là tướng của chánh định»*. Luận Đại Thừa Khởi Tín cũng nói: *«Tam muội của ngoại đạo đều không lìa tâm kiến, ái, ngã mạn, tham trước, danh lợi và sự cung kính ở thế gian. Chân như tam muội thì không trụ kiến tướng, không trụ tướng đặc, cho đến xuất định cũng không giải đãi, kiêu mạn, phiền não đã có dần dần nhạt mỏng v.v...»*. Chúng ta có thể dựa vào những lời đó để biết thế nào chánh định, thế nào là tà định mà tránh.

CHÁNH VĂN

Nhờ CHỈ trang nghiêm nên dứt sạch được tất cả kiết sử.

Nhờ QUÁN trang nghiêm nên như thật biết tự tánh các pháp.

GIẢI THÍCH

Người xưa nói: *«Chỉ quán là nhân. Định tuệ là quả»*. Vì vậy muốn có định tuệ, chúng ta phải tu chỉ quán.

Chỉ, là dừng đi các sinh khởi trong lòng. Có 3 loại ‘chỉ’ giúp dừng đi các sinh khởi đó:

- *Hệ duyên thủ cảnh chỉ*: Trụ tâm vào một duyên nào đó để dừng vọng tưởng, như trụ tâm vào đan điền, vào chóp mũi v.v...

- *Chế tâm chỉ*: Tâm vừa khởi liền kiềm hãm lại không cho nó sinh khởi.

- *Thế chân chỉ*: Dùng trí tuệ quán sát biết tất cả pháp do nhân duyên sinh, không có tự tánh ... Tâm không chấp thì vọng niệm tự dứt.

Như vậy, tu CHỈ là dùng đi những sinh khởi trong lòng, như ngài Huyền Giác nói: «*Đoạn tâm tương tục*». Nếu thực hành được như thế lâu dài thì vọng niệm mất lực, định lực hiện tiền, nên nói ***dứt sạch được tất cả kiết sử***. Kiết sử, chỉ cho 10 sử và 9 kiết như tham, sân, si, mạn, nghi v.v...

Với hai loại CHỈ đầu, khi thực hành, hành giả tu thiền cần phải có tâm nhẫn nại và trường viễn, không nên có tâm nóng gấp. Buộc tâm hay kìm tâm đều phải tùy lực tùy phần mà làm. Khi thấy căng thẳng thì buông xả, sau hãy buộc tâm tiếp. Phải giữ sao cho tâm bình khí hòa, tránh tình trạng phát cuồng.

Quán, là vận dụng những gì đã đọc học được trong sách vở và trong kinh nghiệm tu hành để dùng đi tham sân si, cái ‘dùng’ đó chính là CHỈ. Nhờ môn QUÁN này trợ giúp mà môn CHỈ chúng ta tu đó không trở thành tà. CHỈ QUÁN song hành hiện tiền thì ĐỊNH TUỆ bình đẳng, có thể thấu rõ được bản chất của tham sân si cũng như của tất cả pháp, nên nói ***như thật biết tự tánh các pháp***.

Đại sư Trí Khải nói: «*Thân thường ngồi ngay thẳng tu Chỉ Quán, là phương pháp thù thắng cần yếu để vào đạo, nhưng còn ngại khi tiếp duyên đối cảnh. Nếu khi tiếp duyên đối cảnh mà không tu Chỉ Quán ấy là việc tu tâm có gián đoạn, những kiết nghiệp khi đối duyên liền sinh khởi, không thể chóng tương ưng với Phật pháp được. Nếu trong tất cả thời đều tu phương tiện Chỉ Quán thì chắc chắn người ấy thông đạt Phật pháp một cách nhanh chóng*». Như vậy muốn tu CHỈ QUÁN có kết quả thì chúng ta phải tu trong tất cả thời, chỉ trừ khi ngủ. Song khi công phu đã miên mật và có lực thì khi ngủ, tự nó có công phu. Để rõ hơn về phần CHỈ QUÁN này, chúng ta nên nghiên cứu kỹ cuốn *Thiền Căn Bản* và *Thiền Đốn Ngộ*- HT Trúc Lâm dịch.

Chỉ Quán với ‘Biết vọng không theo’

Biết vọng, là biết những gì đang sinh khởi trong tâm không có chất thật, chỉ là những thứ do huân tập mà có, không huân tập nữa thì nó sẽ hết. Với cảnh ở thế gian cũng như thế, biết chúng không có chất thật v.v...

. Nếu cái biết ấy là ‘thật thấy’ như thế, tức thấy tất cả đúng là vọng, đó chính là TUỆ. Vì là vọng rồi, nên nó không còn lực dẫn mình chạy. Trạng thái tự tại an nhiên với vọng cảnh đó, chính là ĐỊNH.

. Nếu cái biết ấy còn nằm trên dạng suy nghĩ tư duy, hầu giúp chúng ta buông bỏ vọng niệm, thì nó thuộc QUÁN. Quán thể rồi, không để các vọng niệm ấy dẫn dắt, dùng đi sự tương tục của dòng vọng niệm, gọi là CHỈ.

Chỉ quán song hành thì định tuệ bình đẳng.

Các việc cần biết khi tu Chỉ Quán

Theo *Pháp Yếu Tu Tập Tọa Thiền Chỉ Yếu*, muốn tu CHỈ QUÁN, cần phải thực hành các điều sau, thiếu một thì CHỈ QUÁN khó thành tựu.

1. Hội đủ 5 duyên:

1. Giữ giới thanh tịnh: Giữ những giới mà mình đã thọ. Giới là nền tảng giúp sinh chánh định. Tùy vào việc giữ giới cạn hay sâu mà tu Chỉ Quán được kết quả nhiều hay ít.

Giới nào lỡ phạm thì thành tâm sám hối đoạn trừ, khi nào diệt được mới thôi. Người phạm trọng giới thì thiền định bị chướng. Phải đối trước Tam bảo sám hối, thân thường ngồi ngay thẳng, quán tánh tội vốn không, đoạn tâm tương tục. Không thì phải tụng kinh Sám hối, kinh Đại thừa v.v... Nhờ đó giới được thanh tịnh, thiền định khai phát.

2. Ăn mặc đầy đủ: Đầy đủ nhưng không dư thừa. Mặc sao cho phù hợp với căn duyên của mình để tránh nóng lạnh. Ăn, nếu sơn hào hải vị và no quá thì tham dục phát sinh, thân nặng nề khó tọa thiền, nhưng thiếu và đói quá thì không còn sức để dụng công. Hai cực ấy đều nên tránh. Thân nhẹ nhàng, điều hòa, không bệnh thì việc tu tập dễ thành tựu.

3. Yên ở chỗ vắng: «*Không làm tất cả việc, gọi là yên. Không ồn náo, gọi là vắng*». Dù là ở chùa hay ở nơi thành thị ồn náo, nếu muốn tu Chỉ tốt, chúng ta đều phải đáp ứng được điều kiện ‘Yên ở chỗ vắng’ này thì Chỉ Quán mới thành tựu. Còn cứ ra vào thường xuyên nơi các công sở, giao tiếp bạn bè ở các quán ăn, rạp chiếu bóng v.v... thì khó mà tu Chỉ thành. Tiếp duyên nhiều không phải là vấn đề đối với người đã có định lực vững chắc, nhưng với người mới tập hành thiền thì không nên.

‘Không làm tất cả việc’ là ý nói chỉ tập trung vào việc dừng vọng niệm, không để tâm vào các việc khác. Ăn uống, tiêu tiêu v.v... đều tập trung quán tâm để dừng dòng tương tục, gọi là ‘không làm tất cả việc’.

Cư sĩ tại gia muốn tu tập Chỉ Quán được thành tựu cũng phải y đây mới thành tựu. Vì công việc, nhất là công việc bằng đầu óc thì vọng niệm phải sinh khởi nhiều, trong khi ‘Chỉ’ nghĩa là ‘dừng’ đi các vọng niệm. Nếu là người làm việc bằng chân tay thì điều kiện tu Chỉ được thuận lợi hơn.

Quan trọng của việc tu hành chính là PHÁT TÂM BỒ ĐỀ. Nếu là sự phát tâm bất nguồn từ lòng chân thật thì cái sơ phát tâm ấy có năng lực rất lớn, nó giúp chúng ta dồn hết tâm sức cho việc tu hành, ngoại cảnh không còn chi phối được nữa. Khi CHỈ QUÁN đã có lực thì lực ấy sẽ giúp mình giữ được công phu khi làm việc. Ngoài việc biết có vọng hay không vọng, chúng ta không còn biết việc gì khác cho đến khi cái dồn tâm ấy bùng vỡ.

4. Dứt sự ràng buộc: Trong quá trình tu CHỈ, cần phải dứt các việc sau:

- Không tạo sự nghiệp thế gian.
- Hạn chế mọi kết giao khiến việc tu tập không liên tục.
- Dứt các kỹ thuật khéo léo, không làm thầy, làm thợ v.v...
- Đọc sách, học hỏi v.v... đều phải dứt bỏ.

Thực hiện được những điều đó thì việc tu Chi dễ thành tựu. Thiếu các tiêu chuẩn đó thì việc tu tập ít đạt kết quả. Vì thế, đưa ra là để chúng ta nắm được đường đi nước bước không lầm lẫn, không phải thiếu những tiêu chuẩn đó thì chúng ta bỏ luôn không tu. Tu được chút nào hay chút đó. Thứ gì có thể hạn chế được thì cố gắng hạn chế. Tu tập rồi, dùng công đức đó nguyện 'Dứt bớt những ràng buộc, điều kiện vật chất được thuận tiện để việc tu hành có kết quả'. Nếu tu rồi mà thấy không có kết quả, thì phải kiểm nghiệm lại mình đã hội đủ 5 duyên cần thiết này chưa.

5. Thân cận thiện tri thức: Thiện tri thức nói đây không chỉ là vị thầy trực tiếp dạy mình hành thiền, mà còn chỉ cho bạn đồng tu, hoặc người giúp điều kiện cho mình tu hành. Nói **thân cận**, là thân cận trong cái duyên giúp việc thực hành CHỈ QUÁN được thành tựu. Còn thân cận để tán dộc khiến tâm thêm loạn thì thôi, một mình tốt hơn.

2. Quả trách ngũ dục: Ngũ dục là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Cũng chỉ cho tài, sắc, danh, ăn uống và ngủ nghỉ. Quả, để xa lìa không đắm nhiễm, không bị sắc tướng, âm thanh v.v... làm mê hoặc.

Ngủ nghỉ: Ngủ nhiều thì sinh mê muội, việc thế gian còn không thành công, huống là việc tu hành. Khi ngủ, lại không có sự hiểu biết. Những gì khi tỉnh thức, biết đó là việc ác để tránh, nhưng khi ngủ rồi, cứ theo đó mà làm. Sự ngủ nghỉ tai hại như thế nên cần phải tránh.

Phàm phu thì chưa thể 'Thân ngủ mà tâm không ngủ', cũng không thể thức sáng đêm, nên việc ngủ nghỉ cần được điều hòa. Việc tọa thiền, Phật dạy trong kinh Lăng Già: «*Đầu hôm và buổi khuya chớ bỏ phép*». Giác sớm từ 3 giờ đến 5 giờ là giờ rất tốt cho việc ngồi thiền.

Sắc dục: Thấy sắc trai gái cùng các pháp ở thế gian, nếu thuận với quan niệm của mình thì sinh tâm ưa thích đắm nhiễm, không thuận thì sinh tâm ghét bỏ sân giận v.v... Đó đều là dạng của sắc dục. Tâm dính mắc vào sắc dục thì định lực không có. Suy nghĩ sắc dục làm tổn hại việc tu hành như thế để dừng đi tâm đắm nhiễm hay sân giận, chính là đang vận dụng QUÁN để CHỈ được thành tựu.

Thanh dục: Chỉ cho âm nhạc và tiếng ca ngâm v.v... Các vị tiên ở núi Tuyết nghe giọng hát của nàng Chân Đà La liền mất thiền định, tâm say mê cuồng loạn. Với

các âm thanh không vừa ý thì sinh bực bội sân hận v.v... đều là dạng của thanh dục khiến mất thiền định.

Hương dục: Chỉ cho mùi vị của nam, nữ, thức ăn, uống, hương hoa v.v... Ngài Trí Khải nói: «*Kẻ ngu không biết xét tướng trạng của nó, vừa nghĩ liền sinh mê đắm, mở cửa cho các kiết sử bên trong*». Vì thế cần phải quở trách để xa lìa.

Vị dục: Là các vị đắng, cay, chua, ngọt của thức ăn đồ uống. Chúng ta tu hành nên chúng ta ăn chay. Đó là điều rất tốt. Vì đã hạn chế bớt vị dục. Song ăn chay rồi mà thì giờ lại để hết vào việc ăn uống, bày tác đủ món cho theo khẩu vị, cho thỏa vị giác của mình thì vẫn rơi vào lỗi ‘vị dục’ nói đây. Ngoài việc mất thiền định trong hiện tại, tương lai chưa biết chuyện gì xảy ra khi mình còn dính mắc vào đó quá nhiều. Một vị Sa di vì thích vị tô lạc, sau khi chết thành con giòi bám theo tô lạc.

Xúc dục: Chỉ cho các xúc chạm, hợp thì sinh đắm nhiễm, không hợp thì sinh sân hận. Sự xúc chạm giữa hai người khiến sinh tâm tham đắm, dầu nóng bắn vào người khiến sinh tâm sân giận v.v... đều là dạng của xúc dục.

Xúc này là nguyên nhân lớn sinh ra các kiết sử. Xúc biến khắp thân thức nên chỗ sinh nhiễm rộng lớn. Lòng tham xúc tinh tế êm dịu, quán bất tịnh không có ích,⁴ nên nó là thứ khó lìa.

Nếu chúng ta biết lỗi của ngũ dục nguy hiểm như thế rồi xa lìa, đó gọi là ‘quở trách dục’.

Khi chúng ta suy nghĩ ngũ dục chỉ mang lại những cái vui nhất thời, nhưng cái hại về sau là vô vàn rồi xa lìa, đó là đang vận dụng QUÁN để CHỈ được thành tựu.

Cảnh giới lạ trong khi tu Chỉ Quán

Trong khi tu CHỈ, thường có những cảnh giới lạ xuất hiện, dù là cảnh giới tốt hay xấu, đều phải bình tâm, quán chúng là không, tất cả đều từ tâm sinh v.v... và tham cứu ý kiến của thiện tri thức.

Hành giả tu CHỈ QUÁN cần phải nghiên cứu kỹ phần ‘Ngũ ám ma’ trong kinh *Lăng Nghiêm*.

10 lợi ích khi tu Chỉ Quán

Nếu chuyên cần tu học môn CHỈ QUÁN này thì có được 10 lợi ích sau:⁵

1. Thường được sự hộ niệm của mười phương chư Phật và Bồ tát.
2. Không bị các ma ác quỷ làm cho hoảng sợ.
3. Không bị 95 thứ ngoại đạo thần thánh hoặc loạn.
4. Xa lìa sự phi báng pháp thậm thâm. Trọng tội và nghiệp chướng dần nhạt mỏng.
5. Diệt hết các nghi ngờ và những sự hiểu biết xấu ác.

6. Lòng tin thêm tăng trưởng đối với cảnh giới Như Lai.
7. Xa lìa bi ai, ở trong sinh tử mà tâm không khiếp sợ, lại thêm dũng mãnh.
8. Tâm nhu hòa, không kiêu mạn.
9. Dù chưa được chánh định nhưng trong tất cả thời, tất cả chỗ, phiền não cũng giảm thiểu, chẳng còn ưa thích các pháp ở thế gian.
10. Nếu được chánh định thì không bị ngoại duyên và tất cả âm thanh làm cho kinh động.

CHÁNH VĂN

Nhờ PHƯƠNG TIỆN trang nghiêm nên chóng được thành tựu viên mãn vi, vô vi lạc.

GIẢI THÍCH

Phương tiện, là chỉ cho các pháp vừa nói trên, như Chỉ quán, Lục độ và 37 phẩm trợ đạo. Lập phần ‘phương tiện’ này là để dành cho những pháp môn chưa được liệt kê trên, như Trì chú, Niệm Phật, Tụng kinh và tất cả những phương thức mà chư vị thiện tri thức đã đặt ra tùy theo căn cơ của từng người, để dẫn dắt chúng ta về đạo vô thượng.

Gọi là phương tiện vì chúng không phải là chân lý. Song nhờ chúng mà đến được bờ kia, thâm nhập được chân lý, nên nói *phương tiện*.

Vi, vô vi lạc, là cái lạc hữu vi và lạc vô vi. *Lạc hữu vi*, là cái vui do phước báu sinh ra thuộc cõi Trời Người. *Lạc vô vi*, là cái vui Niết bàn.

CHÁNH VĂN

Này Long vương! Phải biết 10 thiện nghiệp này có thể khiến cho tất cả các pháp như Thập lực, Vô úy, Thập bát bất cộng pháp v.v... đều được viên mãn. Cho nên các ông cần chuyên cần tu học.

GIẢI THÍCH

Thập lực, là mười lực mà Phật có:

1. Biết như thật có lẽ ấy, không có lẽ ấy.
2. Biết các nghiệp, lãnh thọ, chỗ tạo nghiệp, nhân duyên, quả báo của chúng sinh trong ba đời.
3. Biết như thật các thiên, giải thoát, tam muội, định, uế, tịnh v.v...
4. Biết như thật mọi căn cơ cao thấp của chúng sinh.

5. Biết như thật mọi dục lạc của chúng sinh.
6. Biết vô số tánh của chúng sinh.
7. Biết chỗ đạt tới của tất cả đạo.
8. Biết tướng chung, nhân duyên chung của chúng sinh trong một đời, hai đời cho đến trăm ngàn đời trước.
9. Trí lực Phật có thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt của Trời, thấy rõ nghiệp hạnh cũng như sự hình thành và hoại diệt của tất cả chúng sinh.
10. Trí lực Phật sạch hết lậu hoặc, tâm vô lậu giải thoát, trí tuệ vô lậu giải thoát.

Tứ vô úy, là bốn việc không sợ. Đó là:

1. Nếu có người nói ‘Phật không thể biết hết tất cả’, Phật không sợ. Như kinh nói: *“Chỉ riêng ta là người đạt được Nhất thiết chủng trí, không ai có thể như thật nói: ‘Phật không hay biết’. Ta không sợ việc ấy”*.
2. Nếu có người nói ‘Phật chưa đoạn hết lậu hoặc và tập khí’, Phật không sợ. Như kinh nói: *“Chỉ riêng ta đoạn được tất cả lậu hoặc và tập khí. Không ai có thể như thật nói: ‘Phật chưa hết lậu hoặc’. Ta không sợ việc ấy”*.
3. Nếu có người nói ‘Phật nói không đúng pháp làm chướng đạo’, Phật không sợ. Như kinh nói: *“Ta nói pháp làm chướng ngại đạo Niết bàn. Không ai có thể như thật nói: ‘Pháp ấy không chướng ngại đạo Niết bàn’. Ta không sợ việc ấy”*.
4. Nếu có người nói ‘Phật nói không đúng đạo dứt khổ’, Phật không sợ. Như kinh nói: *“Ta nói đạo dứt khổ đến Niết bàn. Không ai có thể nói: ‘Đạo ấy không thể đến Niết bàn’. Ta không sợ việc ấy”*.

Hai việc đầu, là đầy đủ công đức tự lợi. Hai việc sau, là đầy đủ công đức lợi tha.

Có được bốn việc đó, là do lời nói đi đôi với việc làm. Những gì Phật nói ra đều do tự bản thân đã trải nghiệm qua. Không như chúng ta, có thứ nói ra chỉ là do nương nơi lời Phật Tổ mà nói. Thứ nào làm được rồi, vững vàng ăn chắc rồi, thì với thứ đó mình không sợ. Thứ gì chỉ mới nhái của Phật Tổ, trên sự vẫn chưa làm được thì nghe người phản bác liền hoảng.

Thập bát bất cộng pháp, là 18 pháp không chung. Vì chỉ Phật mới có 18 pháp này, nên nói không chung. Đó là:

1. Thân không lỗi.
2. Miệng không lỗi.
3. Niệm không lỗi.
4. Không có dị tướng.

5. Không có tâm lìa thắng định.
6. Không có gì không biết mà đã xả bỏ.
7. Dục không giảm (Dục độ sinh).
8. Tinh tấn không giảm.
9. Niệm không giảm.
10. Tuệ không giảm.
11. Giải thoát không giảm.
12. Giải thoát tri kiến không giảm.
13. Tất cả thân nghiệp hành theo trí tuệ.
14. Tất cả khẩu nghiệp hành theo trí tuệ.
15. Tất cả ý nghiệp hành theo trí tuệ.
16. Trí tuệ biết đời quá khứ vô ngại.
17. Trí tuệ biết đời vị lai vô ngại.
18. Trí tuệ biết đời hiện tại vô ngại.

Muốn hiểu chi tiết về Thập lực và Tứ vô úy vv... nên tham khảo luận *Đại Trí Độ* quyển II.

CHÁNH VĂN

Này Long vương! Thí như tất cả thành, ấp, xóm, làng đều y nơi đại địa mà được an trụ. Tất cả dược thảo, cỏ cây, rừng rậm cũng nương nơi đại địa mà được sinh trưởng. 10 thiện đạo này cũng lại như vậy. Tất cả Trời Người y đó mà lập. Tất cả bồ đề của Thanh văn và Độc giác, các hạnh Bồ tát cùng với tất cả Phật pháp đều y nơi đại địa là 10 điều thiện này mà được thành tựu.

GIẢI THÍCH

Nhấn mạnh lại Thập thiện là nền tảng giúp nảy sinh phước đức, thiên định, trí tuệ, bồ đề v.v... của cả 5 thừa. Được thân ở cõi Trời và cõi Người cũng là do tu 10 thiện nghiệp này. Tùy mức độ thực hành nhiều hay ít mà ta có thân tâm và hoàn cảnh như ý hay bất như ý.

CHÁNH VĂN

Phật dạy kinh này rồi, Long vương cùng các đại chúng ở cung Ta Kiệt La, tất cả Trời, Người, A tu la v.v... ở thế gian đều rất hoan hỷ, tin, nhận và phụng hành.

GIẢI THÍCH

Khi nghe pháp mà đúng duyên với mình thì lòng sinh **hoan hỉ**. Lòng đã hoan hỉ tức có **niềm tin**. Có niềm tin thì **vâng nhận** và làm theo. Việc làm theo đó, gọi là **phụng hành**.

Nguyện chúng ta đọc xong kinh này rồi, cũng hoan hỉ, tin nhận và phụng hành như thế.

---o0o---

HẾT

¹ Nói ‘có thể’ vì từ nhân ra quả, còn bị lệ thuộc vào duyên. Nên có khi ‘nhân’ thấy giống nhau mà ‘quả’ lại khác nhau, thấy ‘quả’ giống nhau mà ‘nhân’ lại khác nhau..

² Phần in nghiêng.

³ (...) là những chỗ trong luận Đại Trí Độ có nói, nhưng với nội dung đây lại không cần thiết, trích ra loãng khó theo dõi. Tuy không trích ra nhưng vẫn không làm ảnh hưởng đến ý của những đoạn cần trích.

⁴ Luận Đại Trí Độ quyển I – phần Thiên ba la mật. HT Thiện Siêu dịch

⁵ Luận Đại Thừa Khởi Tín của Tổ Mã Minh – Phần Chỉ Quán.